



BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

1

Tháng 01 - 2019

# HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC 2018 CỦA NGÀNH XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2019



*Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng phát biểu chỉ đạo Hội nghị*



*Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu tại Hội nghị*



# *Chúc mừng năm mới*

**Các bạn đọc và cộng tác viên thân mến!**

**Trong nhiều năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo thương xuyên của lãnh đạo Bộ Xây dựng và sự giúp đỡ, cộng tác nhiệt tình của các cơ quan, đơn vị trong Ngành, Ấn phẩm Thông tin Xây dựng cơ bản và Khoa học công nghệ xây dựng đã không ngừng được nâng cao về chất lượng nội dung và hình thức, phục vụ đắc lực công tác chỉ đạo, điều hành - quản lý của Lãnh đạo Bộ và các cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng ở các địa phương trong cả nước.**

**Năm 2019, Ấn phẩm Thông tin Xây dựng cơ bản và Khoa học công nghệ xây dựng rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Xây dựng; sự cộng tác, ủng hộ của các đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài ngành Xây dựng; của các cộng tác viên để Ấn phẩm ngày càng đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của các bạn đọc và các cộng tác viên.**

**Nhân dịp năm mới Xuân Kỷ Hợi - 2019, Trung tâm Thông tin - đơn vị phát hành Ấn phẩm Thông tin Xây dựng cơ bản và Khoa học công nghệ xây dựng xin kính chúc toàn thể Quý độc giả, các cộng tác viên cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**NGUYỄN NGỌC QUANG**

THÔNG TIN  
**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ HAI MƯƠI**

**1**

**SỐ 1 - 01/2019**



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 6
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 9
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 13

#### Văn bản của địa phương

- UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2018 – 2020 16

**CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**  
**ĐỒ HỮU LỰC**  
**Phó giám đốc Trung tâm**  
**Thông tin**

**Ban biên tập:**

CN. BẠCH MINH TUẤN  
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN  
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH  
CN. NINH HOÀNG HẠNH  
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ  
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

**Khoa học công nghệ xây dựng**

- Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 20
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là đô thị loại II 22
- Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018 24
- Sử dụng kính trong các công trình kiến trúc hiện đại 27
- Cải tạo không gian các cơ sở công nghiệp cũ trong đô thị 29
- Nghiên cứu so sánh về công cuộc xây dựng đô thị thông minh tại hai nước Trung Quốc và Mỹ 35

**Thông tin**

- Hội nghị tổng kết công tác 2018 của ngành Xây dựng 39
- Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng tổng kết 15 năm quản lý xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật 42
- Hội nghị Tổng kết công tác năm 2018, triển khai kế hoạch năm 2019 của Trung tâm Thông tin 46
- Thứ trưởng Lê Quang Hùng tiếp và làm việc với Thứ trưởng Bộ Môi trường Nhật Bản 48
- Hội nghị tổng kết công tác năm 2018 và triển khai nhiệm vụ năm 2019 của Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng 49



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

Ngày 19 tháng 12 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1775/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

#### **1. Vị trí, quy mô, ranh giới khu du lịch**

- Khu DLQG Hồ Thác Bà nằm trên địa phận hành chính các xã: Ngọc Chấn, Phúc Ninh, Cẩm Nhân, Mỹ Gia, Yên Thành, Phúc An, Vũ Linh, Vĩnh Kiên, Đại Đồng, Tân Hương, Thịnh Hưng, Hán Đà, Mông Sơn, thị trấn Yên Bình và thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; có diện tích khoảng 28.800 ha, trong đó khu vực tập trung phát triển của Khu du lịch Hồ Thác Bà (không tính phần mặt nước) khoảng 1.200 ha.

#### **2. Mục tiêu phát triển**

- Mục tiêu chung: Đến trước năm 2025, Khu du lịch Hồ Thác Bà đáp ứng các tiêu chí để được công nhận là Khu du lịch quốc gia. Phấn đấu đến năm 2030, phát triển Khu DLQG Hồ Thác Bà thành một trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí của tỉnh Yên Bái và vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc Bộ với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, có sản phẩm chủ đạo, đặc trưng và hình thành thương hiệu cho Khu DLQG Hồ Thác Bà.

#### **3. Các định hướng phát triển chủ yếu**

##### **a) Phát triển thị trường khách du lịch**

- Thị trường khách nội địa: Đẩy mạnh khai thác thị trường khách từ thủ đô Hà Nội, các tỉnh

khác trong vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc, vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Thị trường khách quốc tế: Ưu tiên khai thác thị trường khách truyền thống Pháp, Mỹ và Canada. Đồng thời mở rộng thị trường các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc), Đông Nam Á (Thái Lan, Lào).

##### **b) Phát triển sản phẩm du lịch**

- Sản phẩm du lịch chủ đạo, đặc trưng:

+ Du lịch sinh thái Hồ Thác Bà: Trải nghiệm du lịch sinh thái trên mặt hồ và khám phá sinh thái các đảo nổi và vùng cảnh quan sinh thái nông nghiệp ven hồ (du lịch sinh thái theo chuyên đề);

+ Du lịch cộng đồng gắn với trải nghiệm, khám phá văn hóa sông Chảy.

- Sản phẩm du lịch phụ trợ:

+ Du lịch MICE: Gắn với các sự kiện văn hóa, lễ hội đặc trưng của dân cư vùng Hồ Thác Bà, các giải thể thao quốc tế, đặc biệt thể thao địa hình.

+ Du lịch tham quan, tâm linh, tín ngưỡng: Tham quan núi Linh Sơn - Cao Biền, đền Thác Ông, đền Thác Bà, hệ thống di tích lịch sử, nhà máy thủy điện Thác Bà.

##### **c) Tổ chức không gian phát triển du lịch**

- Trung tâm du lịch Tân Hương - Đại Đồng: (nằm phía Tây Hồ Thác Bà, giáp thị trấn Yên Bình và quốc lộ 70): Là trung tâm đầu mối quan trọng, động lực phát triển du lịch tổng hợp, ưu

tiên phát triển các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao và các dịch vụ phục vụ khai thác du lịch trên hồ, gắn kết với tuyến du lịch quốc tế theo tuyến Hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.

- Trung tâm du lịch Linh Sơn - Cao Biền (nằm phía Đông Hồ Thác Bà, giáp thị trấn Thác Bà và đường tỉnh 170): Là trung tâm động lực phát triển du lịch sinh thái, văn hóa - tâm linh, tín ngưỡng, gắn kết với các tuyến du lịch quan trọng của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (Hà Nội - Phú Thọ - Tuyên Quang - Hà Giang).

- Trung tâm du lịch Phúc Ninh - Cẩm Nhân (nằm phía Đông Bắc Hồ Thác Bà, dọc theo đường tỉnh 170 và giáp đường ven hồ): Là trung tâm du lịch đầu mối cung cấp các dịch vụ hậu cần và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch sinh thái, tìm hiểu và trải nghiệm văn hóa, gắn kết với tuyến du lịch văn hóa sông Chảy, kết nối với thủ phủ đá quý Lục Yên.

d) Tổ chức tuyến du lịch

- Tuyến du lịch quốc tế kết nối Khu DLQG Hồ Thác Bà: với Lào Cai, Trung Quốc theo tuyến hành lang Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; với thành phố Điện Biên Phủ (Điện Biên), Chiềng Mai (Thái Lan), Luông Pha Băng (Lào) theo các tuyến quốc lộ 37, 32 và 279.

- Tuyến du lịch liên tỉnh: Kết nối Khu DLQG Hồ Thác Bà với Hà Nội, Lào Cai theo tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai; tuyến kết nối với các tỉnh trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Tuyến du lịch nội tỉnh: Kết nối Khu DLQG Hồ Thác Bà với các điểm đến tiêu biểu của tỉnh Yên Bái như Mù Cang Chải, Nghĩa Lộ, Mường Lò, Trấn Yên, Văn Yên theo quốc lộ 37, quốc lộ 32 và cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

e) Định hướng phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

- Về cơ sở lưu trú:

+ Phát triển khu nghỉ dưỡng cao cấp, buga-

low, biệt thự nghỉ dưỡng, khách sạn tại các trung tâm du lịch động lực Tân Hương - Đại Đồng; Linh Sơn - Cao Biền; Phúc Ninh - Cẩm Nhân và nhà nghỉ đạt tiêu chuẩn tại thị trấn Thác Bà, Yên Thế.

- Về hệ thống cơ sở vui chơi giải trí, thể thao:

+ Hình thành khu công viên chuyên đề tại các đảo nổi trung tâm hồ; công viên vui chơi giải trí tại trung tâm Tân Hương - Đại Đồng và Trung tâm dịch vụ phụ trợ Tây Nam Hồ Thác Bà;

+ Phát triển khu cắm trại, vui chơi giải trí, thể thao mặt nước tại cụm đảo nổi trung tâm hồ và trung tâm Linh Sơn - Cao Biền;

- Về cơ sở phục vụ ăn uống: Phát triển hệ thống nhà hàng nổi tại Phúc Ninh - Cẩm Nhân, Tân Hương - Đại Đồng và cụm đảo nổi trung tâm hồ; làng ẩm thực tại trung tâm Tân Hương - Đại Đồng.

- Về cơ sở vật chất kỹ thuật khác: Xây dựng, nâng cấp trung tâm thông tin tại các thị trấn Yên Bình, Thác Bà, Yên Thế; hình thành các điểm dừng chân ngắm cảnh trên các tuyến đường ven hồ.

#### **4. Giải pháp thực hiện quy hoạch**

a) Giải pháp quy hoạch và quản lý quy hoạch

- Tổ chức công bố quy hoạch. Triển khai rà soát, điều chỉnh các dự án đầu tư đã và đang đăng ký tại Khu DLQG Hồ Thác Bà theo đúng quy hoạch được duyệt, theo định hướng chú trọng phát triển du lịch sinh thái, hướng tới thị trường khách du lịch cao cấp.

- Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch Khu DLQG Hồ Thác Bà theo quy định của Luật Du lịch và pháp luật liên quan.

- Xây dựng bộ chỉ số theo dõi phát triển du lịch bền vững tại Khu DLQG Hồ Thác Bà.

b) Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển du lịch; khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư các khu vui chơi giải trí, các sản phẩm du

lịch tại Khu DLQG Hồ Thác Bà, bảo đảm hài hòa, cân bằng với các ngành kinh tế khác.

- Xem xét miễn tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư xây dựng trong Khu DLQG theo quy định tại khoản 10 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước.

c) Giải pháp về đầu tư và thu hút vốn đầu tư

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư, đặc biệt chú trọng các nhà đầu tư chiến lược đối với các dự án có quy mô đầu tư lớn.

- Đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân trong nước để đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở lưu trú. Khuyến khích các thành phần kinh tế, bao gồm cả kinh tế hộ gia đình, cá nhân tham gia đầu tư du lịch, đặc biệt đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại khu vực phía Đông Hồ Thác Bà.

d) Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để tổ chức các lớp đào tạo cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ chuyên ngành du lịch. Ưu tiên thực hiện nhiệm vụ, chương trình, dự án đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực du lịch là người dân địa phương, đặc biệt dân tộc thiểu số.

đ) Giải pháp ứng dụng khoa học và công nghệ

- Khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng, nước trong dịch vụ du lịch và tăng cường tái chế các chất thải để có thể tiếp tục sử dụng, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển du lịch bền vững.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ hiện đại để thúc đẩy du lịch thông minh tại Khu DLQG Hồ Thác Bà.

e) Giải pháp về xúc tiến, quảng bá xây dựng thương hiệu khu du lịch

- Đề xuất xây dựng hình ảnh Khu DLQG Hồ Thác Bà gắn với thương hiệu “Nghìn đảo nổi -

vạn sự kỳ thú - triệu niềm vui”; “Biển Hồ - Biển Ngọc”; “Dòng chảy du lịch - dòng chảy văn hóa”.

- Biên soạn và phát hành ấn phẩm quảng bá về du lịch Hồ Thác Bà, lồng ghép hoạt động xúc tiến, quảng bá Khu du lịch trong kế hoạch xúc tiến quảng bá du lịch nói chung và kế hoạch xúc tiến đầu tư của tỉnh Yên Bái.

g) Giải pháp phát triển thị trường và sản phẩm du lịch

- Xây dựng, xúc tiến quảng bá thương hiệu Khu DLQG Hồ Thác Bà nhằm mở rộng thu hút thị trường khách quốc tế.

- Khai thác các lợi thế về nuôi trồng thủy sản, nuôi trai lấy ngọc, trồng cây dược liệu... kết hợp phát triển trở thành các sản phẩm du lịch hấp dẫn của Khu DLQG Hồ Thác Bà.

h) Giải pháp hợp tác, liên kết phát triển du lịch

- Duy trì có hiệu quả “Chương trình liên kết, hợp tác du lịch 8 tỉnh Tây Bắc mở rộng”, hợp tác song phương về phát triển thị trường du lịch với các địa phương Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình; đẩy mạnh liên kết, hợp tác với các địa phương trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và các trung tâm du lịch lớn như thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ để kết nối thị trường khách du lịch đến và kết hợp quảng bá Khu DLQG Hồ Thác Bà

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, đặc biệt với tỉnh ValdeMarne (Pháp) trong phát triển du lịch MICE và du lịch cộng đồng

i) Giải pháp phát triển hạ tầng du lịch

- Đề xuất nâng cấp các tuyến đường kết nối từ đường tỉnh 170 và quốc lộ 70 đến các trung tâm động lực của Khu DLQG Hồ Thác Bà.

- Đề xuất xây dựng và bố trí bản đồ giao thông thủy nội địa tại các bến thuyền du lịch đồng thời đầu tư thiết bị cảnh báo trên hồ trong mùa cạn tránh tai nạn cho tàu bè.

- Đề xuất nâng cấp đường dây 35 KV khu vực



phía Đông Hồ Thác Bà, đầu tư hệ thống đường dây, các trạm biến áp đến các điểm du lịch trung tâm và các đảo chính trên hồ.

k) Giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

- Tuyệt đối chấp hành khu vực khoanh vùng bảo vệ rừng tự nhiên, nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm, hạn chế tối đa các tác động, chỉ triển khai các hoạt động du lịch tham quan, tìm hiểu và trải nghiệm sinh thái.

- Ưu tiên xây dựng các công trình xử lý chất thải, cấp nước sạch, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu tại các khu vực ưu tiên phát triển du lịch. Khuyến khích sử dụng công nghệ và sản phẩm sạch trong hoạt động kinh doanh du lịch. Đến năm 2030, bảo đảm 100% cơ sở kinh doanh dịch vụ và cộng đồng dân cư trong khu vực có hệ thống thu gom nước thải tập trung và xử lý đạt chuẩn môi trường theo quy định.

- Tuân thủ các quy định về xả thải các chất thải và nước lã dầu theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy nội địa và các quy định khác về bảo vệ môi trường trên đường thủy

nội địa.

- Triển khai các dự án trồng rừng nhằm hạn chế tác động trực tiếp của các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lốc, lũ lụt, hạn hán, sạt, lở đến hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Triển khai các dự án hệ thống đê, kè ven lòng hồ tại khu vực.

l) Giải pháp an toàn đập và bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Phối hợp với nhà máy thủy điện Thác Bà trong hoạt động điều tiết nước để có lịch và công bố lịch xả nước phù hợp với phương án sản xuất, kinh doanh của các cơ sở kinh doanh du lịch trên hồ.

- Đối với công trình đập là công trình thủy lợi quan trọng quốc gia, phạm vi bảo vệ kể từ chân đập chính trở ra 500 mét. Trong đó, vùng phụ cận không được xâm phạm kể từ chân đập chính trở ra là 150 mét, phần còn lại được sử dụng cho các hoạt động không gây mất an toàn đập.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

Ngày 25 tháng 12 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1824/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

### **1. Quan điểm phát triển**

- Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phải tạo đột phá chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu

sản xuất trong từng ngành, từng lĩnh vực; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn; phát triển mạnh công nghiệp, tạo động lực tăng trưởng kinh tế, nhất là công nghiệp chế biến các sản phẩm nông nghiệp; phát huy lợi thế so sánh để phát triển du lịch.

- Phát huy nội lực, thu hút nguồn lực trong nước và quốc tế để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại, trọng tâm là hạ tầng đô thị, giao thông, điện, thủy lợi, hạ

tăng công nghệ thông tin và truyền thông; gắn phát triển nông nghiệp và du lịch trong quan hệ tổng thể với các tỉnh trong đồng bằng sông Cửu Long và tiểu vùng Mê Kông mở rộng; phát triển các đô thị thành trung tâm làm hạt nhân thúc đẩy phát triển các tiểu vùng trong tỉnh.

- Chú trọng phát triển nhân lực chất lượng cao; nâng cao tay nghề, kỹ năng làm việc cho người lao động; đào tạo chuyên gia về công nghệ, doanh nhân; tạo lập môi trường để thu hút nhân lực chất lượng cao về địa phương làm việc.

- Phát triển kinh tế- xã hội phải gắn với thích ứng biến đổi khí hậu và nước biển dâng, phù hợp với từng ngành, lĩnh vực đảm bảo tính đa mục tiêu, hiệu quả và phát triển bền vững. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

## **2. Phương hướng phát triển các ngành và lĩnh vực**

### **a. Về nông lâm nghiệp, thủy sản**

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước;

- Tiếp tục khai thác hiệu quả những lợi thế hiện có của ngành thủy sản, khôi phục, đưa ngành thủy sản thành thế mạnh; đến năm 2020, sản lượng thủy sản đạt khoảng 126.650 tấn.

### **b. Về công nghiệp, xây dựng**

Khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế, tăng trưởng nhanh ngành công nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, bảo vệ môi trường; hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp tập trung; từng bước khẳng định vị trí và đóng góp đáng kể vào phát triển công nghiệp của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

### **c. Về thương mại, dịch vụ**

Phát triển các ngành dịch vụ, thương mại

văn minh, hiện đại với sự tham gia của các thành phần kinh tế; phát huy vai trò của thương mại trong định hướng, thúc đẩy sản xuất phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng đa dạng phong phú của người dân, góp phần ổn định kinh tế và an sinh xã hội. Nâng tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu kinh tế lên 46,40% vào năm 2020 và 49,6% vào năm 2030.

### **d. Về các lĩnh vực xã hội**

#### *Giáo dục và đào tạo*

- Đổi mới phương pháp, nội dung giáo dục và đào tạo chuyển mạnh từ trang bị kiến thức là chủ yếu sang giáo dục toàn diện trí lực, đạo đức, thẩm mỹ, thực hành; nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học, tiêu chuẩn hóa giáo viên và cán bộ quản lý.

#### *Y tế và chăm sóc sức khỏe*

- Tăng cường đầu tư xây dựng bệnh viện, trung tâm y tế và trang thiết bị y tế, giảm tỷ lệ mắc bệnh, ngăn ngừa khống chế có hiệu quả các dịch bệnh, bảo đảm mọi người dân đều được cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản, tiếp cận sử dụng các dịch vụ y tế chất lượng cao; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đảm bảo công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân; đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ y tế, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào dịch vụ y tế; nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng cuộc sống, nâng cao chất lượng dân số.

#### *Văn hoá thể dục thể thao*

- Tạo lập môi trường văn hóa lành mạnh trong cộng đồng dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, trường học và mỗi gia đình; tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, trách nhiệm cá nhân; ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức, lối sống trong cộng đồng dân cư. Xây dựng các công trình văn hóa trọng điểm, huyện, các thiết chế văn hóa, khu vui chơi giải trí cho trẻ em; tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật

thể. Phát triển nhiều loại hình thể dục thể thao, mở rộng phong trào thể dục thể thao quần chúng, khuyến khích và thường xuyên tổ chức phong trào thi đấu thể thao trong nhân dân.

*Giảm nghèo, giải quyết việc làm và thực hiện các chính sách xã hội*

- Phân bổ hợp lý nguồn lực xã hội, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động xã hội thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế; thực hiện tốt chính sách giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng lao động cả về sức khỏe, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế và hội nhập. Chú trọng đào tạo nghề, nhất là cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm; khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư xây dựng, phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ, tạo nhiều việc làm cho lao động, nhất là trong các khu, cụm (tuyến) công nghiệp, khu du lịch,...; thực hiện tốt công tác giảm nghèo và hạn chế tái nghèo.

e) Về khoa học và công nghệ

- Nghiên cứu triển khai các giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, bền vững; ứng dụng rộng rãi khoa học công nghệ mới, tạo bước đột phá về giống cây trồng, vật nuôi có giá trị cao, công nghệ mới phục vụ cơ giới hóa từng khâu, từng công đoạn trong sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tăng hàm lượng khoa học và công nghệ trong các sản phẩm có thương hiệu; phát triển thị trường công nghệ.

g) Về phát triển kết cấu hạ tầng:

- Tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư giải quyết cơ bản những nhu cầu cấp bách, thiết yếu, hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đồng bộ, kết nối tốt với khu vực và cả nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trước mắt, tập trung đầu tư những dự án có tính đột phá và tác động lan tỏa tích cực đến thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, nhất

là yêu cầu phát triển công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch,...

*Giao thông:*

- Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thực hiện các dự án đường cao tốc, cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ, cầu yếu trên địa bàn (quốc lộ 53, quốc lộ 54, quốc lộ 57,...), đầu tư cải tạo, nâng cao các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn, đường đến trung tâm các xã, khu dân cư. Đầu tư, nâng cấp giao thông trong các đô thị, phát triển giao thông nông thôn.

- Đầu tư nâng cấp, quản lý và khai thác có hiệu quả hệ thống các cảng sông hiện có (cảng Vĩnh Long, Bình Minh, An Phước) đáp ứng nhu cầu bốc dỡ, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, vận chuyển hàng hóa, nhất là qua các khu, tuyến công nghiệp.

*Về thủy lợi:*

- Từng bước hoàn thiện hệ thống thủy lợi bảo đảm cung cấp đủ nước cho sinh hoạt, sản xuất, nhất là các khu vực Vũng Liêm, Trà Ôn, Mang Thít. Tăng khả năng chủ động điều tiết lũ, kiểm soát mặn nhằm tăng diện tích được bảo đảm an toàn khi có nguy cơ ngập úng, mặn xâm nhập. Nâng cấp hệ thống đê sông phù hợp với yêu cầu của từng khu vực được bảo vệ; phòng chống sạt lở, tăng mức an toàn trong việc bảo vệ, ổn định bờ sông, kênh rạch; từng bước nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành khai thác các công trình và hệ thống thủy lợi.

*Thông tin liên lạc:* Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, đảm bảo hỗ trợ tốt chương trình cải cách và hiện đại hóa nền hành chính; thực hiện, cung cấp các dịch vụ công, chính quyền điện tử; đảm bảo an toàn an ninh thông tin, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

*Điện lực:* Tiếp tục đầu tư phát triển mới và cải tạo hệ thống lưới điện trung, hạ thế và trạm biến áp hiện có, đảm bảo an toàn, liên tục, phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất tại các khu, cụm (tuyến) công nghiệp, làng nghề và sinh hoạt của người dân, đi đôi với tiết kiệm, giảm

hao phí điện năng.

**Cấp thoát nước:** Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các đô thị, khu dân cư đảm bảo yêu cầu nước sạch sinh hoạt và sản xuất. Tiếp tục đầu tư hệ thống cấp, thoát nước gắn với công tác quy hoạch xây dựng, nâng cấp và phát triển đô thị, các khu dân cư tập trung, bệnh viện, trường học.

h) Về bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai; thích ứng với biến đổi khí hậu

- Quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường các vùng sản xuất nông nghiệp và thủy sản tập trung, các khu du lịch, bảo vệ đa dạng sinh học; tăng cường xử lý ô nhiễm nước thải, chất thải công nghiệp, nước thải đô thị, chủ động phòng chống thiên tai, ứng cứu kịp thời các sự cố môi trường.

- Nâng cao chất lượng dự báo và chủ động ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng; đầu tư nghiên cứu, điều chỉnh cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi để thích ứng với biến đổi khí hậu; tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững trong cộng đồng; nâng cao năng lực và trách nhiệm của cộng đồng trong phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Bố trí, sắp xếp lại dân cư ở các vùng có nguy cơ ảnh hưởng nhiều do thiên tai, biến đổi khí hậu, vùng có nguy cơ sạt lở; tạo sinh kế, cải thiện và ổn định đời sống cho người dân bị ảnh hưởng.

i) Về liên kết phát triển:

- Thực hiện liên kết vùng và liên kết trên các lĩnh vực nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh đối với vùng, liên kết bảo đảm nguyên tắc hài hòa lợi ích, trách nhiệm và bình đẳng, góp phần khẳng định vai trò, vị thế của Vĩnh Long trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

k) Về quốc phòng an ninh: Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc

phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng các khu vực phòng thủ vững chắc; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống; xây dựng lực lượng quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, chú trọng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên. Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa đấu tranh với các loại tội phạm, tạo chuyển biến vững chắc về trật tự, an toàn xã hội.

### **3. Phương hướng, tổ chức không gian phát triển**

a) Phân vùng phát triển:

- Vùng trung tâm phát triển kinh tế động lực, bao gồm thành phố Vĩnh Long, huyện Long Hồ và huyện Mang Thít. Trong đó, thành phố Vĩnh Long là hạt nhân, động lực phát triển kinh tế chung, vùng trung tâm kết nối với nội tỉnh, hướng đến các vùng đối trọng phía Tây và Vùng đô thị hóa phía Đông, Nam thông qua các quốc lộ 1, 53, tuyến đường ven sông Tiền, sông Cổ Chiên đến vùng đô thị hóa phía Đông Nam.

- Vùng đối trọng phía Tây bao gồm thị xã Bình Minh, huyện Tam Bình và huyện Bình Tân. Trọng tâm, động lực chính là thị xã Bình Minh, huyện Tam Bình mang tính kết nối phát triển thương mại giữa hai thành phố Vĩnh Long và Cần Thơ, là trung tâm giao dịch, đầu mối nông sản của Vĩnh Long.

- Vùng đô thị phía Đông Nam bao gồm huyện Vũng Liêm, huyện Trà Ôn. Trọng tâm của vùng, lấy thị trấn Vũng Liêm và thị trấn Trà Ôn làm động lực chính.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 27 tháng 12 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 1856/QĐ-TTg về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **Mục tiêu phát triển**

Mục tiêu đến năm 2030: Xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn trở thành đô thị biển đảo xanh, hiện đại, thông minh; là trung tâm kinh tế và văn hóa của khu vực với trọng tâm phát triển là ngành dịch vụ và các ngành sử dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, phát triển ngành nghề mới, công nghệ mới, trình độ cao, trọng tâm là dịch vụ logistics, du lịch cao cấp, công nghiệp giải trí hiện đại mang tầm quốc tế, công nghiệp công nghệ cao; trung tâm khởi nghiệp, sáng tạo và giao thương quốc tế của khu vực.

Mục tiêu đến năm 2050: Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Vân Đồn trở thành một trong những vùng động lực phát triển kinh tế của Việt Nam, nằm trong nhóm dẫn đầu về thành phố đáng sống của khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

### **Định hướng phát triển các ngành, các lĩnh vực**

#### **1. Du lịch**

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng về di sản thiên nhiên thế giới trong khu vực, di sản văn hóa truyền thống; tạo lập môi trường du lịch thân thiện, hấp dẫn kết hợp với xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng du lịch đồng bộ để phát triển ngành du lịch. Phấn đấu đến năm 2030 thu hút khoảng 2,5 triệu lượt khách du lịch, trong đó có trên 170 nghìn lượt khách nước ngoài đến Vân Đồn.

#### **2. Dịch vụ hiện đại**

- Tập trung phát triển và kinh doanh cảng

hàng không, vận tải hàng không; đẩy mạnh phát triển ngành logistics để đưa Vân Đồn trở thành một trung tâm cung cấp dịch vụ hậu cần đẳng cấp thế giới, trở thành cửa ngõ chung chuyển hàng hóa vào khu vực Đông Nam Á; một số ngành dịch vụ điện ảnh, thời trang, tổ chức sự kiện quốc tế...

#### **3. Công nghiệp công nghệ cao**

- Tập trung phát triển một số ngành sử dụng công nghệ cao như y dược, sinh học, công nghệ nano; công nghệ thông tin trong hệ thống sản xuất, công nghệ sử dụng nguyên liệu tiên tiến, công nghệ năng lượng và môi trường.

#### **4. Nông nghiệp**

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao hướng vào phục vụ nhu cầu dịch vụ du lịch tại chỗ; phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững với công nghệ sạch, an toàn; phát triển tài nguyên rừng gắn với du lịch bền vững. Phát triển bền vững kinh tế biển trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, tính đa dạng của hệ sinh thái, gắn với quốc phòng an ninh bảo vệ quyền và chủ quyền trên biển.

#### **5. Các lĩnh vực xã hội**

##### **a) Nguồn nhân lực và giáo dục đào tạo**

- Nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục đào tạo hiện có và mở rộng mạng lưới giáo dục trên tất cả các lĩnh vực.

##### **b) Y tế:**

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng hệ thống y tế dự phòng, đầu tư trang thiết bị y tế hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân; khuyến khích phát triển cơ sở khám chữa bệnh tư nhân đạt tiêu chuẩn quốc tế; tăng

cường khả năng đáp ứng dịch vụ y tế để chăm sóc sức khỏe nhân dân ở các vùng sâu, vùng xa và xã đảo; quản lý tốt chi phí dịch vụ y tế và có các chính sách phù hợp đối với nhóm dân cư có thu nhập thấp.

c) Văn hóa, thông tin và thể thao

- Phát triển văn hóa, thông tin và thể thao hài hòa với phát triển kinh tế; khuyến khích phát triển các dịch vụ, sản phẩm văn hóa, thông tin có giá trị cao; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống. Phấn đấu đến năm 2030, đảm bảo cung cấp đầy đủ các thiết chế về văn hóa, thể thao, hạ tầng công nghệ thông tin đến từng địa bàn các xã đảo; đảm bảo 100% hộ gia đình có khả năng tiếp cận hệ thống thông tin truyền thông.

d) An sinh xã hội

- Bảo đảm những người thuộc nhóm có thu nhập thấp được tiếp cận dịch vụ giáo dục chất lượng cao để cải thiện trình độ và có thêm cơ hội việc làm; tiếp tục hỗ trợ nhóm yếu thế để đạt được bình đẳng xã hội với mục tiêu không có hộ nghèo ở Vân Đồn; đồng thời chuyển đổi mô hình sản xuất cho các hộ dân sang các ngành có giá trị cao để tăng thu nhập một cách bền vững.

6. Khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh việc áp dụng thành tựu khoa học tiên tiến, công nghệ hiện đại để phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành, vận hành hệ thống sản xuất; khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn Khu kinh tế.

7. Kết cấu hạ tầng

a) Hệ thống giao thông:

- Hàng không: Định hướng phát triển cảng hàng không quốc tế tại phía Tây đảo Cái Bàu đạt tiêu chuẩn cấp 4E, sân bay quân sự cấp II,

sân bay dùng chung dân dụng và quân sự; nghiên cứu xây dựng một số sân bay trực thăng (taxi trực thăng) ở các đảo để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại giữa Vân Đồn và Hạ Long, Móng Cái và một số đảo khác; phát triển loại hình thủy phi cơ phục vụ nhu cầu du lịch và vận chuyển hàng hóa.

- Đường bộ: Hoàn thiện xây dựng tuyến đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn, đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng tuyến đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái, xây dựng các cầu vào Khu kinh tế Vân Đồn. Tập trung đầu tư hoàn thiện các tuyến đường xuyên đảo; đường ven biển; hoàn thiện các đường liên xã và đường trục trên các xã đảo.

- Hàng hải: Hình thành cảng biển và phát triển vận tải biển theo lộ trình phù hợp với hệ thống cảng biển và nhu cầu vận tải trong thời kỳ quy hoạch.

b) Phát triển hệ thống cấp điện và mạng lưới cấp điện: Triển khai các dự án năng lượng tái tạo, nhằm đảm bảo nguồn cung điện ổn định; ưu tiên xây dựng các dự án năng lượng mặt trời, năng lượng gió và năng lượng sinh khối.

c) Hạ tầng cấp và thoát nước: Nghiên cứu áp dụng một số giải pháp công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực xử lý nước sạch nhằm đảm bảo 100% dân cư được dùng nước sạch phù hợp tiêu chuẩn quy định; duy trì hạn mức ô nhiễm nguồn nước đối với các khu du lịch và tại các điểm dân cư theo các tiêu chuẩn quốc tế.

d) Hạ tầng thông tin - viễn thông: Tập trung đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển hạ tầng truyền thông quan trọng, cung cấp các dịch vụ Internet công cộng nhằm nâng cao tính hiệu quả và minh bạch trong các hoạt động quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế.

8. Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; có chế tài nghiêm ngặt đối với ô nhiễm nước và không khí; cải thiện xử lý chất thải đô thị và giảm ô nhiễm từ tàu thuyền, khách du lịch và người dân. Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển; đa dạng sinh học biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng, chống thiên tai. Phấn đấu, đến năm 2030, đạt được sự quản lý bền vững và sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, hạn chế đến mức tối đa tác động của con người đến môi trường.

9. Đảm bảo quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân trên địa bàn; bảo đảm xử lý tốt các tình huống trên biển, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền và lợi ích quốc gia trên các vùng biển. Thực hiện tốt việc đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tội phạm công nghệ cao; phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng - an ninh trên các lĩnh vực;

#### **Tổ chức không gian lãnh thổ**

Phát triển không gian đô thị:

a) Không gian đô thị đảo Cái Bàu, gồm: Khu kinh tế phía Tây; ven biển phía Bắc; thành phố sân bay - khu thương mại tự do; khu nghỉ mát phức hợp; thị trấn Cái Rồng và bán đảo Cống chào.

b) Không gian đô thị Quần đảo Vân Hải, gồm: Công viên; du lịch nông nghiệp; các khu dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng và hòn đảo du lịch trong tương lai.

c) Không gian đô thị trung tâm, gồm: Trung tâm hành chính - đô thị trung tâm Cái Rồng; khu công nghiệp sáng tạo; khu công nghệ sinh học; khu dịch vụ sáng tạo; khu sản xuất tiên tiến và hậu cần; khu chế tạo; khu sân bay; khu

thương mại tự do; khu thung lũng công nghệ; trung tâm tài chính; khu tái định cư; trung tâm triển lãm văn hóa; khu du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí; cảng biển du lịch và cảng cá và các hồ cảnh quan.

#### **Các giải pháp thực hiện:**

1. Về huy động vốn đầu tư

- Xây dựng chính sách phù hợp để thu hút vốn đầu tư nước ngoài và các thành phần kinh tế trong nước. Phát triển trung tâm tài chính để huy động các nguồn vốn đầu tư.

- Tập trung huy động vốn từ đất đai thông qua ưu đãi về tiền thuê đất và mặt nước cho hoạt động kinh doanh; đầu tư cơ sở hạ tầng qua hình thức xây dựng và chuyển giao; doanh thu từ dịch vụ bất động sản dành cho đầu tư.

2. Về đào tạo nguồn nhân lực:

- Xây dựng các chính sách để thu hút nhân tài nói chung và nhất là thu hút các nhà khoa học từ nước ngoài có trình độ, kinh nghiệm đến làm việc, đào tạo nguồn nhân lực bền vững cho Khu kinh tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ để thúc đẩy sáng tạo khởi nghiệp; thúc đẩy cơ hội thực tập thông qua hợp tác với các công ty kỹ thuật và trường đại học.

3. Về khoa học – công nghệ

- Tăng cường việc nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao thành tựu khoa học hiện đại, kỹ thuật tiên tiến vào phát triển sản xuất, kinh doanh và kiểm soát tối ưu việc sử dụng năng lượng, tài nguyên thiên nhiên. Ban hành các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến trong việc phát triển năng lượng tái tạo, xử lý nước thải, chất thải đáp ứng yêu cầu về môi trường.

4. Về bảo vệ môi trường phát triển bền vững

- Thực hiện phân vùng bảo vệ môi trường theo từng khu vực, nhằm kiểm soát có hiệu quả mức độ ô nhiễm môi trường. Thẩm định đánh giá

tác động môi trường đối với tất cả các chương trình, dự án đầu tư trong Khu kinh tế theo quy định của pháp luật về môi trường; tăng cường giám sát các hoạt động gây ô nhiễm, khảo sát chất lượng nước trong vịnh theo định kỳ.

### 5. Về hợp tác phát triển

- Tăng cường hợp tác với các địa phương trong nước để thu hút các nhà đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực và phát triển du lịch, đặc biệt là Hạ Long, Cô Tô, Hà Nội, Hải Phòng. Tăng cường mối quan hệ

với các hãng vận tải hàng không của các nước ASEAN để mở đường bay đến Sân bay Quốc tế Vân Đồn theo quy hoạch đã được phê duyệt; hợp tác với các cơ quan du lịch của các nước ASEAN để thúc đẩy phát triển du lịch tại Khu kinh tế Vân Đồn và khu vực vịnh Hạ Long, vườn Quốc gia Bái Tử Long.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2018 - 2020**

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 5764/QĐ-UBND về kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2018 – 2020.

#### **Mục tiêu**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ đã đặt ra của Chương trình Giảm ngập nước giai đoạn 2016 - 2020 (Chương trình hành động số 17-CTrHĐ/TU ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh).

#### **Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:**

1 Nâng cao chất lượng quy hoạch, hiệu quả quản lý quy hoạch; triển khai quy chế, giải pháp liên kết giữa các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

1.1 Nâng cao chất lượng quy hoạch, nâng cao hiệu quả quản lý quy hoạch, xây dựng

Tập trung nghiên cứu xây dựng, thẩm định và phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố, Đồ án điều chỉnh quy hoạch thủy lợi chống ngập úng, Đồ án điều

chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống thoát nước, Đồ án quy hoạch mạng lưới hồ điều tiết và quy hoạch cốt cao độ nền trên cơ sở phải có tầm nhìn về Quy hoạch, trong đó có kết hợp các vấn đề về đô thị với quy hoạch thoát nước, giải quyết ngập, các vấn đề về nông thôn với quy hoạch thủy lợi chống ngập úng, với mục tiêu đặt ra là tập trung xử lý từ khu vực Trung tâm Thành phố hiện hữu xuống khu vực phía Nam Thành phố; ban hành trước năm 2020. Cụ thể:

- Giao Sở Quy hoạch kiến trúc chủ trì phối hợp các sở ngành quận - huyện và đơn vị tư vấn xây dựng quy hoạch chung thành phố; trên cơ sở đó rà soát toàn bộ quy hoạch 1/2000 để điều chỉnh cốt nền cho đúng với thực tế, đảm bảo cao độ thiết kế phù hợp với cao độ thực tế khi triển khai các dự án, hoàn thành năm 2020.

- Giao Sở Xây dựng phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các Sở, ngành, đơn vị Tư vấn lập điều chỉnh Quy hoạch tổng thể thoát nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 (trong đó, có nghiên cứu một số tiêu chuẩn kỹ thuật trong tính toán



thủy văn, thủy lực đối với hệ thống thoát nước áp dụng cho khu vực thành phố đã không còn phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu; Rà soát lại quy hoạch xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải đô thị tập trung trên địa bàn thành phố, áp dụng công nghệ tiên tiến xử lý nước thải; Tập trung nghiên cứu rà soát những khu vực trũng thấp có thể tận dụng để xây dựng các hồ điều tiết giảm ngập, tăng dung tích trữ nước, tạo cảnh quan đô thị, đặc biệt như những khu vực thuộc phía Nam thành phố, xác định khu vực hồ điều tiết cấp Vùng, cho khu vực đô thị); hoàn thành cuối năm 2019.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn rà soát, báo cáo đánh giá và điều chỉnh bổ sung Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực thành phố Hồ Chí Minh, hoàn thành đầu năm 2020.

- Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành, quận - huyện tổ chức quản lý chặt chẽ việc san lấp, lấn chiếm hệ thống kênh, rạch trên địa bàn thành phố theo các quy định hiện hành, nghiêm cấm cấp phép san lấp kênh, rạch làm thu hẹp dòng chảy; trong trường hợp bất khả kháng, việc san lấp kênh, rạch cần phải được nghiên cứu rất kỹ khả năng thoát nước, trữ nước cho khu vực và có giải pháp thay thế hiệu quả, bền vững.

- Giao Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị hoàn thành công tác lập, xác định mép bờ cao quy hoạch các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố phục vụ tiêu thoát nước trình cơ quan chức năng xem xét, công bố, hoàn thành Quý III năm 2019.

1.2 Triển khai quy chế, giải pháp liên kết giữa các địa phương trong vùng để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện thống kê, đánh giá thực trạng quản lý, khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, lưu vực sông Sài Gòn và sông Đồng Nai, hoàn thành năm 2020; Tăng cường công tác

kiểm tra, giám sát, xử lý tình trạng xả thải gây ô nhiễm nguồn nước sông, kênh, rạch liên vùng, thực hiện thường xuyên, liên tục;

2. Rà soát, bổ sung chính sách để thu hút các nguồn lực đầu tư; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo bước đột phá đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình giảm ngập; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với hạ tầng thoát nước, xử lý nước thải

2.1 Rà soát, bổ sung chính sách đủ mạnh để thu hút các nguồn lực đầu tư thực hiện các dự án, công trình giảm ngập

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, thực hiện:

+ Xây dựng cơ chế chính sách để đẩy mạnh, thu hút mời gọi đầu tư các dự án bằng hình thức đối tác công tư.

+ Ưu tiên kết hợp các dự án đa mục tiêu, kết hợp các yếu tố trong 04 Chương trình đột phá về Đô thị về Giảm ngập nước, Giảm ùn tắc giao thông, Chính trang đô thị và Giảm ô nhiễm môi trường.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các quận - huyện rà soát quỹ đất, tổ chức cắm ranh mốc tại các vị trí dự kiến xây dựng nhà máy xử lý nước thải đô thị theo quy hoạch, hoàn thành 2019.

- Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị nghiên cứu, tham mưu lập giá dịch vụ thoát nước theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, trình Sở Tài chính thẩm định, UBND thành phố phê duyệt, hoàn thành cuối năm 2018.

2.2 Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và các công trình kiểm soát triều để quản lý ngập do biến đổi khí hậu, nước biển dâng

- Giao UBND quận - huyện triển khai thực hiện xử lý nghiêm, triệt để tình trạng lấn chiếm cửa xả, hầm ga, thoát nước, rác thải xuống kênh mương, lấp bít các miệng thu nước của cống thoát nước; Thực hiện tốt việc duy tu, nạo

vét cống thoát nước;

- Giao Sở Xây dựng:

+ Khẩn trương phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn tất công tác xây dựng, tham mưu ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, hoàn thành trong quý 1 năm 2019;

+ Xây dựng quy chế phối hợp quản lý, bảo trì, khai thác, nâng cấp và phát triển hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố,

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp Sở Xây dựng và các sở ngành, UBND quận - huyện thuê đơn vị tư vấn đánh giá về tình hình quản lý việc khai thác nước ngầm, kết quả thực hiện các giải pháp hạn chế khai thác nước ngầm thời gian qua; xây dựng quy hoạch sử dụng nước ngầm trên địa bàn thành phố, xác định nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình giảm dần khai thác và tiến tới chấm dứt khai thác nước ngầm trên địa bàn thành phố vào năm 2020. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong việc giảm chi phí khai thác nước ngầm, cấp phép, quản lý khai thác nước ngầm trên địa bàn thành phố.

2.3 Tổ chức quản lý khai thác vận hành có hiệu quả, đảm bảo năng lực thoát nước của hệ thống thoát nước hiện hữu

- Rà soát, xây dựng hoàn thiện quy trình bảo trì, vận hành các công trình thoát nước: hệ thống kênh mương, cống, cống kiểm soát triều, trạm bơm, nhà máy xử lý nước thải,; Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn quản lý.

- Xây dựng kế hoạch duy tu nạo vét hệ thống thoát nước; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo hiệu quả thoát nước của hệ thống hiện hữu đảm bảo chất lượng. Thống kê tình hình ngập các tuyến đường trên địa bàn quản lý.

3. Tập trung thực hiện các giải pháp công

trình để phục vụ giải quyết ngập

3.1 Giải pháp ngắn hạn:

- Triển khai nhanh và đưa vào sử dụng một số dự án công trình cấp bách, đang thực hiện dở dang, các công trình chuyển tiếp của nhiệm kỳ trước;

- Cải tạo hệ thống thoát nước, nạo vét kênh rạch bằng nguồn vốn trung tu, ủy quyền;

- Triển khai thực hiện các hạng mục công trình cấp bách khống chế tình trạng phát sinh khu vực ngập mới và xử lý các vị trí ảnh hưởng do thi công;

- Tổ chức nghiên cứu và đưa vào ứng dụng công nghệ mới trong thi công các công trình thoát nước, đê, kè; công nghệ khoan kích ngầm; lót ống; hồ điều tiết ngầm.

3.2 Giải pháp trung và dài hạn

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

+ Cân đối vốn, bố trí đủ vốn cho các dự án của Chương trình Giảm ngập nước; ưu tiên vốn đầu tư từ ngân sách thành phố cho những công trình hoàn thành trong giai đoạn 2018 - 2020; thực hiện chủ trương kêu gọi xã hội hóa đầu tư trong lĩnh vực này.

+ Tổng hợp, báo cáo UBND thành phố, trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua quyết định chủ trương đầu tư công, kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với dự án sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp (SCIC) chuyển nguồn Ngân sách thành phố để có cơ sở triển khai trong giai đoạn 2018 - 2020 kịp tiến độ theo kế hoạch đề ra.

+ Phối hợp Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức đấu thầu thực hiện 17 dự án theo danh mục Hội nghị mời gọi đầu tư các giải pháp chống ngập và xử lý nước thải (tháng 8 năm 2018) (trong đó có 04 dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư 2019 - 2020, 05 dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư 2021 - 2022, còn lại 08 dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư giai đoạn 2023 - 2024) công khai, minh bạch, sớm đưa các dự án công trình vào khai thác, sử dụng.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

+ Phối hợp UBND quận huyện lập và trình phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường, lập và trình phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tham mưu UBND thành phố cơ chế đặc thù rút ngắn thời gian các khâu trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư đặc biệt là các dự án Bờ tả sông Sài Gòn, nạo vét kênh rạch và các Nhà máy xử lý nước thải.

- Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị đẩy nhanh triển khai thực hiện các dự án theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

+ Dự án Cải tạo hệ thống thoát nước mưa và nước thải Thành phố Hồ Chí Minh (lưu vực Tham Lương - Bến Cát - Nước Lên)(Ngân hàng Phát triển châu Á tài trợ):khởi công năm 2019, hoàn thành năm 2022.

+Xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước(Ngân sách thành phố và chuyển nguồn SCIC sang Ngân sách thành phố): đảm bảo hoàn thành 200km cống thoát nước vào năm 2020.

4. Tăng cường liên kết, hợp tác khoa học - công nghệ, nâng cao năng lực dự báo phục vụ công tác xóa, giảm ngập nước

- Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị triển khai thực hiện dự án Xây dựng năng lực quản lý tích hợp rủi ro

ngập nước đô thị (do Chính phủ Đan Mạch tài trợ bằng nguồn vay ưu đãi), hoàn thành năm 2020; và dự án Quản lý và giám sát hệ thống thoát nước lưu vực Tân Hóa - Lò Gốm, hoàn thành năm 2019.

- Giao Sở Xây dựng (cơ quan thường trực phụ trách chương trình giảm ngập nước) phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu), Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố (đơn vị thực hiện) và các đơn vị có liên quan xây dựng bản đồ cảnh báo rủi ro ngập lụt, hoàn thành năm 2020.

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ và các sở ngành tiếp tục nghiên cứu, đưa vào ứng dụng các công nghệ mới trong thi công các công trình thoát nước, nhà máy xử lý nước thải, đê, kè, sửa chữa hệ thoát nước bằng công nghệ không đào hồ, hồ điều tiết ngầm... Bảo đảm tính bền vững, hiệu quả kinh tế, tiết kiệm chi phí đầu tư, chi phí vận hành, tiết kiệm quỹ đất và mỹ quan đô thị.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại  
([www.hochiminhcity.vn](http://www.hochiminhcity.vn))**

## **Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 7/1/2019, tại trụ sở Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (Nhiệm vụ). Tham dự Hội nghị có đại diện các Bộ, ngành liên quan, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành, đại diện lãnh đạo UBND tỉnh Nam Định, UBND TP. Nam Định.

Theo ủy quyền của Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh, bà Trần Thu Hằng - Vụ trưởng Vụ Quy hoạch kiến trúc (Bộ Xây dựng) chủ trì Hội nghị.

Trình bày Báo cáo tóm tắt thuyết minh Nhiệm vụ tại Hội nghị, đại diện đơn vị tư vấn (Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia - VIUP) nêu lên lý do và sự cần thiết phải tiến hành điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó nhấn mạnh, điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 2084/QĐ-TTg ngày 22/11/2011. Ngày 28/11/2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2106/QĐ-TTg công nhận TP Nam Định là đô thị loại I thuộc tỉnh Nam Định. Đến nay, sau 7 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, quy hoạch này cũng bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế cần được điều chỉnh, bổ sung nhằm đảm bảo phù hợp và đáp ứng tốt nhất yêu cầu phát triển của đô thị Nam Định trong giai đoạn mới. Do đó, UBND tỉnh Nam Định đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ và được chấp thuận chủ trương điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung đô thị Nam Định theo hướng cập nhật, bổ sung các định hướng mới, mục tiêu đưa đô thị Nam Định trở thành đô thị Trung tâm vùng Nam Đồng bằng sông Hồng.

Đô thị Nam Định nằm ở phía Bắc của tỉnh Nam Định cách Thủ đô Hà Nội 90km về phía Tây Bắc, cách thành phố Thái Bình - tỉnh Thái



*Toàn cảnh Hội nghị*

Bình 18km và cách thành phố Hải Phòng 90km về phía Đông Bắc, cách thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình 28km về phía Nam, cách thành phố Phủ Lý, Hà Nam 30km về phía Tây Bắc.

Đô thị Nam Định là đầu mối giao thông quan trọng, với mật độ các tuyến giao thông dày đặc và thuận tiện bao gồm: Quốc lộ QL21, QL10; đại lộ Thiên Trường - có vai trò chiến lược, nổi trung tâm hành chính, chính trị của tỉnh với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tỉnh; ngoài ra hệ thống đường tỉnh có dạng hướng tâm đi các huyện (Các Tỉnh lộ: 486, 487, 488, 490, 490B, 490C); có tuyến đường sắt Bắc Nam chạy qua, Ga Nam Định là một trong những ga lớn trên tuyến đường sắt Bắc Nam, thuận tiện cho hành khách vùng Nam đồng bằng đi đến các thành phố lớn trong cả nước như Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.

Trải qua nhiều lần sáp nhập, chia tách tỉnh, đô thị Nam Định luôn được xác định là Trung tâm chính trị - kinh tế - khoa học kỹ thuật của tỉnh Hà Nam Ninh, tỉnh Nam Hà và nay là tỉnh Nam Định. Nằm ở trung tâm khu vực phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng (gồm 4 tỉnh: Nam Định, Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình); nằm trong vùng ảnh hưởng của vùng kinh tế trọng điểm của các tỉnh phía Bắc (Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc

Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng và Quảng Ninh). Do đó, đô thị Nam Định có tầm ảnh hưởng quan trọng tới sự phát triển của tỉnh Nam Định nói riêng và vùng Nam đồng bằng sông Hồng nói chung theo Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14/9/2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Theo Nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 có tổng diện tích 187,99km<sup>2</sup>, gồm toàn bộ diện tích thành phố Nam Định, huyện Mỹ Lộc và một phần huyện Vụ Bản, huyện Nam Trực.

Đô thị Nam Định được điều chỉnh với tính chất là đô thị tỉnh lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo của tỉnh Nam Định; đồng thời là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, giáo dục đào tạo, y tế, dịch vụ du lịch của vùng Nam Đồng bằng Sông Hồng và sẽ được xác định cụ thể, bổ sung, điều chỉnh trong quá trình nghiên cứu lập đồ án điều chỉnh quy hoạch.

Nhiệm vụ đề ra những yêu cầu chính cần được giải quyết trong đồ án, gồm: Cập nhật các định hướng quy hoạch chiến lược của tỉnh Nam Định đã được phê duyệt; rà soát, đánh giá thực trạng phát triển đô thị, xác định những tồn tại, bất cập của quy hoạch chung năm 2011 và đề xuất giải pháp xử lý, khắc phục; dự báo các nhu cầu phát triển đô thị Nam Định trong giai đoạn mới; nghiên cứu, cập nhật đề xuất mới về phát triển cơ sở hạ tầng; đề xuất các giải pháp cụ thể về kiểm soát phát triển không gian đô thị; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp về đấu nối hệ thống hạ tầng giao thông; đề xuất các quy định quản lý, hướng dẫn kiểm soát phát triển đô thị, làm cơ sở xây dựng quy chế quản lý quy hoạch

kiến trúc trên địa bàn đô thị Nam Định linh hoạt theo từng giai đoạn phát triển.

Nhằm nâng cao chất lượng Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, các thành viên Hội đồng thẩm định đã thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến cho việc hoàn thiện Báo cáo thuyết minh Nhiệm vụ, trên tất cả các lĩnh vực như: Đầu tư; tài chính; môi trường; văn hóa, du lịch; quốc phòng an ninh; kiến trúc; hạ tầng kỹ thuật.

TS. Trần Anh Tuấn - Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng, thành viên Hội đồng đánh giá cao sự cần thiết phải tiến hành điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, nhằm đảm bảo phát triển đô thị Nam Định phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tuy nhiên, trong quá trình lập điều chỉnh quy hoạch đô thị Nam Định, đơn vị tư vấn cần phải chú trọng đến tính hướng biển của đô thị này, đặc biệt là cuối năm 2018 vừa qua, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Trần Thu Hằng đề nghị đơn vị tư vấn bổ sung một số tính chất của đô thị Nam Định, làm rõ động lực mới của đô thị Nam Định, chú ý tính liên kết vùng, cập nhật và phân tích rõ hơn hiện trạng sử dụng đất của đô thị, đồng thời tiếp thu đầy đủ ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng thẩm định, nhanh chóng hoàn thiện Báo cáo, gửi UBND tỉnh Nam Định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

**Trần Đình Hà**

## Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là đô thị loại II

Ngày 8/1/2019, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là đô thị loại II. Chủ tịch Hội đồng thẩm định, ông Nguyễn Tường Văn - Cục trưởng Cục Phát triển Đô thị chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ ngành TW, các Hội và Hiệp hội chuyên ngành và các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng. Đại diện địa phương có ông Trương Duy Hải - Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Bến Tre, lãnh đạo UBND TP Bến Tre, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng tỉnh Bến Tre.

Theo Báo cáo thuyết minh của Đề án, Bến Tre là một trong 13 tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long được hình thành từ khu vực tam giác châu thổ hệ thống sông Tiền, hợp thành bởi 3 cù lao: Cù lao An Hóa, cù lao Bảo và cù lao Minh trên 4 nhánh sông lớn là sông Tiền, sông Hàm Luông, sông Ba Lai và sông Cổ Chiên. Diện tích tự nhiên của tỉnh là 2.357,7 km<sup>2</sup>, chiếm 5,8% diện tích Vùng Đồng bằng sông Cửu Long với đường bờ biển kéo dài trên 65 km.

Thành phố Bến Tre, trực thuộc tỉnh Bến Tre, được thành lập theo Nghị quyết số 34/2009/NQ-CP ngày 11/8/2009 của Chính phủ với tổng diện tích tự nhiên là 6.742,11 ha, gồm 16 đơn vị hành chính cấp xã: phường 1, phường 2, phường 3, phường 4, phường 5, phường 6, phường 7, phường 8, phường Phú Khương, phường Phú Tân, xã Sơn Đông, xã Bình Phú, xã Phú Hưng, xã Mỹ Thạnh An, xã Phú Nhuận, xã Nhơn Thạnh. Thành phố Bến Tre nằm trên tuyến giao thông huyết mạch dọc biển Đông, có ý nghĩa quan trọng về an ninh quốc phòng, hình thành tuyến phòng thủ ven biển. Là một mắt xích quan trọng trong việc nối kết chuỗi các đô thị TP Hồ Chí Minh – Long An – Tiền Giang – Bến Tre – Trà Vinh – Vĩnh Long. Theo đó, TP Bến Tre cách TP Hồ Chí Minh 86 km, cách TP Mỹ Tho 15km,



*Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre Trương Duy Hải phát biểu tại HN*

cách TP Cần Thơ 114km. Thành phố Bến Tre là nơi có Quốc lộ 60 đi qua để đi đến các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng.

Thành phố Bến Tre có địa hình tương đối bằng phẳng với hệ thống kênh rạch khá chằng chịt, cao độ trung bình so với mặt nước biển từ 1-1,5m; là vùng đất nổi phù sa trên nền đất thấp được bao bọc bởi sông Hàm Luông về phía Tây, sông Bến Tre về phía Nam, kênh Chệt Sậy về phía Đông. Trong khu vực nội ô có rạch Cái Cá, rạch Cá Lóc, rạch Kiến Vàng và rạch Gò Đàng.

Năm 2007, Thành phố Bến Tre được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại III trực thuộc tỉnh Bến Tre theo Quyết định số 1081/QĐ-BXD ngày 09/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

Từ khi được công nhận đạt tiêu chuẩn loại III cho đến nay, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân TP Bến Tre đã có nhiều nỗ lực cố gắng, thường xuyên quan tâm đến công tác xây dựng và phát triển đô thị, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, diện mạo đô thị ngày càng khang trang, thu hút được các nguồn lực đầu tư phát triển. Trong những năm qua, thành phố Bến Tre đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao khoảng 7,5%. Tốc độ tăng trưởng này đã giúp thành phố nâng cao giá trị bình quân đầu người trên địa bàn thành phố liên tục tăng qua các năm và tăng nhanh hơn mức tăng trưởng chung của toàn tỉnh.

Từ một tỉnh thuần nông nghiệp, thành phố Bến Tre đã tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; phát triển thương mại – du lịch. Về lĩnh vực thương mại – dịch vụ - du lịch: Từ khi được công nhận thành phố, hệ thống trung tâm thương mại, chợ đầu mối được đầu tư nâng cấp, đảm nhận chức năng phân phối hàng hóa cho các chợ khu vực, xã phường. Mạng lưới chợ trung tâm, chợ xã phường được xây dựng, nâng cấp và cải tạo. Loại hình siêu thị với hình thức kinh doanh hiện đại văn minh đã phát triển phục vụ tốt nhu cầu mua sắm của người dân Bến Tre. Kinh tế - xã hội của thành phố có những bước phát triển mới, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Đặc biệt, kết cấu hạ tầng đô thị của thành phố trong những năm qua được phát triển mạnh, góp phần xây dựng diện mạo đô thị văn minh.

Theo lộ trình phát triển hệ thống đô thị quốc gia (Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012 - 2020), định hướng đô thị thành phố Bến Tre đạt tiêu chuẩn đô thị loại II, giai đoạn 2016 - 2020.

Tại Hội nghị, ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định đều nhất trí cho rằng, đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại II quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban TVQH về Phân loại đô thị, thành phố Bến Tre đã cơ bản hội tụ đủ các điều kiện cần thiết để nâng lên đô thị loại II trực thuộc tỉnh. Báo cáo thẩm định Đề án công nhận thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là đô thị loại II của Cục Phát triển Đô thị - cơ quan thẩm định đánh giá về cơ bản thành phần hồ sơ và nội dung của Đề án đã thực hiện đúng quy định hiện hành; qua xem xét đánh giá hồ sơ Đề án, đối chiếu với các quy định của Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, có 33/59 chỉ tiêu vượt và đạt mức điểm tối đa, 20/59 chỉ tiêu đạt quy định; 05/59 chỉ tiêu chưa đạt điểm là: Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so



*Toàn cảnh Hội nghị*

với đất xây dựng trong khu vực nội thị, Mật độ đường trong khu vực nội thị, Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng, Cấp nước sinh hoạt khu vực nội thị, Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định, Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng.

Hai báo cáo phản biện của Vụ Chính quyền địa phương - Bộ Nội vụ và Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng đánh giá Bến Tre có thuận lợi về điều kiện tự nhiên trong phát triển hệ thống giao thông thủy, do đó cần chú ý kết hợp giữa phương thức vận tải đường bộ với đường thủy nội địa. Cấu trúc không gian đô thị của TP Bến Tre cũng cần có những nghiên cứu phù hợp để có thể khai thác thuận lợi này để làm động lực trong phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Hiện trạng hệ thống mạng lưới đường ống thoát nước tại thành phố Bến Tre chưa tách được thoát nước thải với thoát nước mưa, đòi hỏi Thành phố ngoài việc khẩn trương đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải thì còn phải tích cực trong việc đầu tư xây dựng hệ thống mạng lưới thoát nước thải riêng để tạo sự đồng bộ trong đầu tư xây dựng, nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư, nâng cao chất lượng môi trường đô thị về khía cạnh thoát nước và xử lý nước thải đô thị. Chỉ tiêu cấp nước đô thị của TP Bến Tre hiện nay chưa đạt được theo quy định có một phần nguyên nhân lớn là do tỷ lệ thất thoát, thất thu. Do vậy, ngoài việc nâng cao công suất của hệ thống cấp nước, thì cần phải thúc đẩy công tác tuyên truyền tiết kiệm nước tới người dân, hạn

chế tối đa tỷ lệ nước thất thoát, thất thu nước sạch. Ngoài ra, thành phố Bến Tre cũng cần chú trọng hoàn thiện cả về số lượng lẫn chất lượng các công trình hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm tương xứng với quy mô đô thị như nghĩa trang đô thị và nhà tang lễ, hệ thống hạ tầng sử dụng chung bao gồm cả công tác hạ ngầm đường dây đường ống đô thị, cây xanh đô thị...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nguyễn Tường Văn tổng hợp ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng và lưu ý, để nâng cao chất lượng đô thị, UBND tỉnh Bến Tre cần chỉ đạo UBND TP Bến Tre và các cơ quan chức năng quan tâm đến công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng phát triển cả về hạ

tầng giao thông đô thị lẫn hệ thống vận tải hành khách công cộng tương xứng với tốc độ phát triển của đô thị. Thành phố Bến Tre nằm trong khu vực chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Do vậy, tỉnh cũng cần sớm có các nghiên cứu để tìm các giải pháp trong quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý khai thác vận hành thích ứng với các thách thức trên.

Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị của Bộ Xây dựng đã nhất trí thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là đô thị loại II, với điểm số là 87,53 điểm.

**Ninh Hoàng Hạnh**

## Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018

Năm 2018, với quyết tâm phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao gắn với việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại các Chương trình hành động của Bộ thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Vụ KHCN&MT) đã tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, thực hiện các Chương trình Khoa học Công nghệ trọng điểm ban hành theo Quyết định 1402/QĐ-BXD ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng cũng như các nhiệm vụ trọng tâm khác của Bộ và đã đạt được những kết quả rất quan trọng.

Trong năm 2018, Vụ KHCN&MT đã tích cực xây dựng và hoàn thiện thể chế chính sách, khi hoàn thành 01 Thông tư, 01 Đề án trình Thủ tướng Chính phủ, 01 QCVN về xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời và đang hoàn thiện trình ban hành 04 QCVN và rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác. Trong đó, triển khai và thực hiện “Đề án hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng”

(Đề án - Thủ tướng Chính phủ ký phê duyệt tại Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 09/2/2018) được lãnh đạo Vụ KHCN&MT xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng của Bộ Xây dựng. Do đó, Vụ đã tham mưu, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc thành lập Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc để thực hiện Đề án (Quyết định số 612/QĐ-BCĐĐTQ ngày 15/5/2018 và Quyết định số 659/QĐ-BCĐĐTQ ngày 28/5/2018); Trình Bộ trưởng phê duyệt Quyết định số 900/QĐ-BCĐĐTQ ngày 29/6/2018, Ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Vụ trưởng Vụ KHCN&MT Vũ Ngọc Anh cho biết, hiện nay Đề án đang tập trung rà soát tổng thể hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật lĩnh vực xây dựng thuộc các chuyên ngành xây dựng, giao thông vận tải, nông nghiệp và phát triển nông thôn, công thương, an ninh, quốc phòng... cùng các lĩnh vực có liên quan đến xây dựng công trình như: Tài nguyên môi trường; Y tế; Lao động Thương binh và xã hội... để phân tích,



đánh giá những ưu, nhược điểm của toàn bộ hệ thống từ góc độ cơ chế chính sách, định hướng quy hoạch, quy trình tổ chức thực hiện, khả năng hội nhập quốc tế, tính liên kết của các chuyên ngành xây dựng và các chuyên ngành phục vụ xây dựng, nhìn nhận vai trò quan trọng của hệ thống văn bản kỹ thuật trong quản lý chất lượng công trình xây dựng cùng quản lý kinh tế trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Bên cạnh đó, Vụ tập trung chuyên gia phân tích hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành xây dựng của các nước tiên tiến trên thế giới và trong khu vực (Mỹ, EU, Nga, Trung Quốc, Nhật, Úc, ISO, các nước ASEAN), nhằm tổng kết kinh nghiệm và đúc rút những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về cách thức quản lý, xây dựng và vận hành một hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đồng bộ, rõ ràng, khoa học, đồng bộ, đầy đủ, tinh gọn, phù hợp với tình hình kinh tế, trình độ phát triển khoa học trong nước và hội nhập quốc tế.

Theo Vụ trưởng Vũ Ngọc Anh, trong giai đoạn 2018 - 2019, Bộ Xây dựng chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ sau: Phê duyệt danh mục Bộ quy chuẩn kỹ thuật về Xây dựng (bao gồm danh mục QCVN và QcĐP về xây dựng) áp dụng cho toàn ngành xây dựng; triển khai nghiên cứu đề xuất quy hoạch định hướng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và danh mục các TCVN cốt lõi về xây dựng; tổng điều tra, phân tích, đánh giá hiệu quả và hạn chế của việc sử dụng tiêu chuẩn cơ sở trong các hoạt động xây dựng để đề xuất các biện pháp tăng cường quản lý chất lượng tiêu chuẩn cơ sở trong xây dựng công trình; tổng điều tra, phân tích, đánh giá ưu điểm và hạn chế của việc sử dụng tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đã được áp dụng trong các hoạt động xây dựng, qua đó đề xuất định hướng việc áp dụng các tiêu chuẩn nước

ngoài, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực trong các hoạt động xây dựng tại Việt Nam; xây dựng cơ sở dữ liệu, đổi mới công tác thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn ngành Xây dựng và hoàn thiện, đưa vào hoạt động thử nghiệm hệ thống thông tin điện tử cơ sở dữ liệu về quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành xây dựng; tiếp tục phối hợp với Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (thuộc Bộ Khoa học và công nghệ) tổ chức thẩm định, công bố khoảng 70 TCVN về các lĩnh vực vật liệu xây dựng, an toàn máy xây dựng, công nghệ xây dựng, kết cấu xây dựng...

Bên cạnh công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, năm 2018, Vụ KHCN&MT đồng thời đẩy mạnh thực hiện các Chương trình Khoa học công nghệ trọng điểm ban hành theo Quyết định 1402/QĐ-BXD ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng gồm các Chương trình: Nghiên cứu xây dựng thực nghiệm công trình trên biển đảo; Nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng sử dụng tro, xỉ, thạch cao đã qua xử lý từ các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất phân bón và các cơ sở công nghiệp phát thải khác; Nghiên cứu phát triển vật liệu xây và cấu kiện không nung cho công trình xây dựng đến 2020; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ, vật liệu tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo trong các công trình xây dựng và thúc đẩy phát triển công trình xanh.

Triển khai Quyết định số 571/QĐ-BXD ngày 21/5/2015 của Bộ Xây dựng về phê duyệt Nhiệm vụ "Nghiên cứu xây dựng thực nghiệm công trình trên biển đảo", Vụ đã tiến hành ký hợp đồng và giao 9 NV cho các đơn vị trực hiện. Trong đó tập trung nghiên cứu về bê tông sử dụng cát biển và nước biển, hướng dẫn quy trình thiết kế, thi công và nghiệm thu cho phép thay thế vật liệu bê tông

thông thường. Vụ cũng triển khai nghiên cứu ứng dụng công nghệ nhà lắp ghép bằng tấm bê tông nhẹ, cường độ cao có khả năng được áp dụng triển khai rộng rãi trên các đảo ven bờ vì có tính thực tiễn cao, cơ động, phù hợp với điều kiện khí hậu của các vùng ven biển, hải đảo và nghiên cứu đề xuất giải pháp xử lý chất thải nhà tiêu, nước thải sinh hoạt và chất thải rắn theo hướng vệ sinh sinh thái, khép kín, phù hợp với vùng hải đảo góp phần không nhỏ vào việc xử lý nước thải sinh hoạt và chất thải sinh hoạt trên các vùng hải đảo, đem lại môi trường sinh thái trong lành cho người dân sống trên đảo.

Đối với các nhiệm vụ theo Quyết định số 1096/QĐ-BXD ngày 23/9/2015 của Bộ Xây dựng về "Nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng sử dụng tro, xỉ, thạch cao đã qua xử lý từ các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất phân bón và các cơ sở công nghiệp phát thải khác", Vụ đã ký hợp đồng giao cho các đơn vị thực hiện 17 NV. Trong đó tập trung nghiên cứu các lĩnh vực: Sử dụng tro, xỉ làm vật liệu san lấp; sử dụng tro, xỉ trong xây dựng công trình nền và mặt đường giao thông; sử dụng tro, xỉ gia cố nền móng công trình xây dựng; sử dụng tro, xỉ trong sản xuất VLXD: Xi măng; bê tông; gạch không nung.

Kết quả nghiên cứu ngoài ứng dụng triển khai thực tế và chuyển giao công nghệ thì việc ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn và chỉ dẫn kỹ thuật đối với việc sử dụng tro, xỉ cho từng đối tượng; xây dựng định mức kinh tế, kỹ thuật sử dụng vật liệu xây dựng được sản xuất từ tro, xỉ, thạch cao của nhà máy nhiệt điện và hóa chất phân bón; tuyên truyền, thông tin trên các phương tiện truyền thông về chủ trương chính sách của Nhà nước, các công trình nghiên cứu, kết quả nghiên cứu ứng dụng thực tiễn trong phát triển vật liệu xây dựng từ tro xỉ thạch cao... đã mang lại hiệu quả cao trong quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Vụ trưởng Vũ Ngọc Anh cho biết, đến nay, Bộ Xây dựng đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 452/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh xử lý tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất, phân bón để làm nguyên liệu sản xuất VLXD và sử dụng trong các công trình xây dựng" (Đề án 452), là cơ sở pháp lý quan trọng đẩy mạnh việc xử lý và sử dụng tro, xỉ nhiệt điện làm vật liệu xây dựng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tiêu chuẩn Quốc gia "TCVN 12248:2018 Tro xỉ nhiệt điện đốt than làm vật liệu san lấp - Yêu cầu chung" đã được ban hành ngày 28/9/2018, góp phần rất lớn trong việc thúc đẩy mạnh việc tiêu thụ số lượng lớn tro xỉ tồn dư do nhu cầu sử dụng tro, xỉ nhiệt điện để san lấp công trình tại thời điểm hiện nay là rất cao.

Các nhiệm vụ khác theo Quyết định 299/QĐ-BXD ngày 12/4/2016 Phê duyệt Đề án "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành sản xuất vật liệu xây dựng đến năm 2020"; Quyết định 527/QĐ-BXD ngày 14/6/2016 về Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện chương trình KHCN trọng điểm "Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử thực hiện NQ 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ"; Quyết định 736/QĐ-BXD ngày 27/7/2016 Phê duyệt kế hoạch và ngân sách Chương trình KHCN trọng điểm cấp Bộ giai đoạn 2017-2019 "Nghiên cứu ứng dụng công nghệ, vật liệu TKNL, năng lượng tái tạo trong các công trình xây dựng và thúc đẩy phát triển công trình xanh"; Đề án áp dụng mô hình thông tin công trình trong hoạt động xây dựng (BIM) - QĐ số 2500/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của TTCP... và các nhiệm vụ KHCN trọng điểm khác lĩnh vực Thiết kế, xây dựng công trình cũng đã được Vụ KHCN&MT ký các hợp đồng nhiệm vụ giao cho các đơn vị thuộc Bộ thực hiện đảm bảo tiến độ và chất lượng theo kế hoạch.

Bên cạnh đó, Vụ KHCN&MT đã chủ trì, tham gia nhiều công việc khác do lãnh đạo Bộ giao, bao gồm Đề án hỗ trợ người khuyết tật; Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020; Triển khai các nội dung nhiệm vụ của Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Giải đáp thắc mắc, hỏi đáp của các đơn vị, tổ chức cá nhân về QCVN, TCVN và các lĩnh vực khác thuộc quản lý ngành của Bộ Xây dựng.

Có thể nói, với đội ngũ nhân sự gồm 14 công chức, (trong đó có 4 lãnh đạo, 10 chuyên viên), trong năm 2018, Vụ KHCN&MT đã nỗ lực triển khai và hoàn thành khối lượng rất lớn nhiệm vụ theo kế hoạch được giao, đảm bảo tiến độ và chất lượng, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị quan trọng của Bộ Xây dựng trong năm 2018.

Trần Đình Hà

## Sử dụng kính trong các công trình kiến trúc hiện đại

Các công trình kiến trúc sử dụng có bề mặt cong tạo nên sự kết nối mới giữa hình học và vật liệu. Bài viết này tìm hiểu việc sử dụng kính để tạo ra những bề mặt phi tuyến trong các công trình kiến trúc hiện đại, phân tích cách thức hợp lý hóa các mặt cong bằng cách sử dụng panel kính phẳng và cong của một số công trình kiến trúc hiện đại nổi tiếng thế giới như công trình Great Court trong Bảo tàng Anh (1998-2000), nhà ga đường sắt Strasbourg (2007) và một số công trình khác.

Sau khi hoàn thành, công trình kiến trúc Crystal Palace (1851) của KTS. Joseph Paxton sử dụng vật liệu kính và gang thể hiện tư tưởng công nghệ của thời đại công nghiệp, đã trở thành biểu tượng của sự phát triển thời kỳ đó. Hiện nay, kính là loại vật liệu được sử dụng phổ biến cho mặt dựng và mái của các công trình kiến trúc hiện đại. Bên cạnh tính thẩm mỹ, các công trình hiện đại còn phải đáp ứng một số yêu cầu về tạo dựng không gian tiện nghi bên trong, nâng cao chất lượng không gian bên trong công trình và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, do đó cần nghiên cứu tính hình học phức tạp của công trình. Hiện tại, phần mềm thiết kế mô hình số 3D dựa trên các giải pháp tham số đã mở ra các cách tiếp cận mới cho việc tạo hình kiến trúc phức tạp.

**Các bề mặt sử dụng kính cong và kính**

phẳng



Mái che bằng kính của ga đường sắt Canary Wharf (London, Anh)

Ở trình độ công nghệ hiện nay, các kỹ sư thiết kế kết cấu mái vòm và mái che lấy sáng thường làm việc với các dạng thức hình học phức tạp. Các tấm kính luôn đảm bảo khả năng lấy ánh sáng, nâng cao tính thẩm mỹ của công trình. Công việc của các kỹ sư gồm hai giai đoạn: Thiết kế kiến trúc (nguyên lý cấu trúc và chi tiết hóa, mô tả về hình học và tính toán); thiết kế biện pháp thi công (sản xuất và lắp ghép). Trong mỗi giai đoạn, các kỹ sư luôn phải sẵn sàng đối mặt với những thách thức mới.

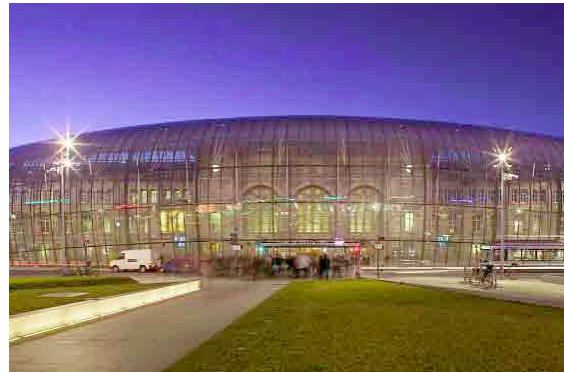
Cùng với sự xuất hiện của các bề mặt có khẩu độ lớn, hình dạng tự do trong kiến trúc, một vấn đề quan trọng đã được đặt ra là làm thế nào để chuyển từ một thiết kế phức tạp về hình học sang một thiết kế khả thi và dễ thi



Mái che của The Great Court bên trong Bảo tàng Anh

công? Hệ khung cho các tấm phẳng có thể được tự động thiết kế nhờ phần mềm đối với mỗi tấm phẳng có hình dạng bất kỳ, và có thể dùng để liên kết trực tiếp các cấu kiện của công trình. Có thể tăng độ dày của khung để cải thiện cường độ. Năm 1998, công ty Foster & Partners đã áp dụng nguyên lý này khi thiết kế các mái che bằng kính tại sảnh vào của nhà ga tàu điện ngầm London ở Canary Wharf (Canary Wharf Station). Công ty Ove Arup & Partners đã thiết kế mái che gồm một hệ thống kết cấu sử dụng 96 tấm kính phẳng.

Một ví dụ khác là mái của tòa nhà The Great Court trong Viện Bảo tàng Anh do các công ty Foster & Partners và Euro Happold thiết kế. Hình dạng không phẳng và thay đổi độ cong của mái vòm đã được xử lý bằng việc sử dụng các khung dạng lưới bằng kim loại với các mắt lưới hình tam giác, gồm 4878 thanh rỗng và 1566 nút liên kết. Sau đó, 3.312 tấm kính được liên kết với lưới kim loại, mỗi tấm kính là một sản phẩm độc đáo bởi sự “khiếm khuyết hình học” của chu vi mái. Một giải pháp tương tự đã được áp dụng đối với mái kính của tòa nhà DG Bank (1999 - 2001) ở Berlin do KTS. Frank Gehry thiết kế. Khung được chế tạo bằng các thép không gỉ, cường độ cao, các nút liên kết xếp theo hình hình ngôi sao sáu cánh. Toàn bộ mái được lợp bằng hơn 1.500 tấm kính hình tam giác. Một lưới mái kính tương tự cũng được sử dụng tại công trình Nhà hội chợ thương mại



Mặt tiền mới bằng kính bao trùm toàn bộ nhà ga lịch sử Strassbourg (Pháp)

New Milan (New Milan Trade Fair, 2002-2005) do KTS. Massimiliano Fuksas thiết kế.

Trung tâm thương mại Golden Terraces (2000 - 2007) tại Thủ đô Warsaw (Ba Lan) là một công trình kiến trúc bằng kính lớn nhất trong khu vực. Mái kính và khung thép che phủ toàn bộ khu vực mua sắm trung tâm theo đề xuất của công ty Waagner-Biro, với các mắt lưới thép tạo ra các ô hình chữ nhật có kích thước bằng nhau để lắp kính

Mỗi nút liên kết, mỗi yếu tố của lưới và mỗi tấm kính có một dạng hình học độc đáo. Mái là một lưới lập thể về mặt hình học, uốn lượn, được cấu tạo từ các thanh thép cường độ cao để liên kết và nâng mái kính.

Một trong những kết cấu kính cong nổi tiếng nhất thế giới là mặt tiền của Ga đường sắt Strasbourg (2007) do công ty Seele thiết kế. Cấu trúc kính mới là một vỏ cong hai lớp mịn màng, bao phủ toàn bộ mặt trước của một nhà ga đường sắt có lịch sử lâu đời.

Năm 2008, Frank Gehry là một trong những người đầu tiên áp dụng quy trình “uốn cong lạnh”. Ông đã cải tiến Phòng trưng bày nghệ thuật Ontario tại thành phố Toronto, tạo một mặt tiền mới bằng kính lồi. Sau đó, ông đã sử dụng giải pháp tương tự cho thiết kế tòa nhà Louis Vuitton Fondation (2012 - 2015) tại Paris. Ông đề xuất uốn cong các panel kính phẳng và bao phủ kết cấu bằng loại kính tiết kiệm năng lượng.

Có những thiết kế kính uốn cong dọc theo



Hình dáng độc đáo của ga đường sắt Nordpark (Innsbruck, Áo)

một vài trục thay vì uốn cong hình trụ với một bán kính đồng nhất. Ví dụ, ga đường sắt Nordpark (2004 - 2007) tại Innsbruck (Áo) – tác phẩm của Zaha Hadid và Patrick Schumacher. Trong thiết kế này, các phương pháp uốn cong nóng đã được áp dụng nhằm đạt được độ cong gấp hai lần.

Trong vòng một thập kỷ qua, việc phổ biến rộng rãi các ứng dụng thiết kế mới đã giúp quy trình khái niệm hóa tính hình học cong phức tạp của các công trình xây dựng nhanh hơn, thuận lợi hơn. Bên cạnh đó, các nhà thiết kế không thể che giấu thép dưới kính, bởi kính không bảo đảm độ mờ cho lớp vỏ kim loại. Để tạo một hình thức kiến trúc đẹp mắt, kết cấu chịu lực bằng thép hở hoàn toàn, và phải được kết hợp với một lớp phủ kính. Trong các dự án ít tầm cỡ hơn, kính cong là một thành tố tuy giản đơn song có thể ảnh hưởng sâu sắc đến hình thức chung của công trình xây dựng. Các kiến trúc

sư và kỹ sư ngày càng sử dụng nhiều hơn các hình thức kính khác nhau trong các thiết kế của mình. Điều này giúp mở rộng phạm vi thiết kế và tạo ra những khả năng mới để thực hiện những thiết kế thú vị hơn.

### Kết luận

Trong thế kỷ XXI, các hình dạng hình học mới trong kiến trúc đã thúc đẩy việc tìm kiếm vật liệu và giải pháp kết cấu mới. Các công nghệ hiện đại cho phép sản xuất kính cong với giá thành rẻ hơn, đồng thời mở rộng khả năng thiết kế của kính cong. Việc sử dụng các sản phẩm kính, lớp phủ kính có thể tác động lớn tới nhu cầu tiêu thụ năng lượng trong các công trình thương mại. Là một vật liệu xây dựng và kiến trúc, kính phẳng và kính cong luôn chứa đựng trong mình những công nghệ mới trong kiến tạo kỹ thuật số và sản xuất vật liệu xây dựng. Các nghiên cứu về công nghệ sẽ tiếp tục góp phần nâng cao hiệu quả năng lượng và hiệu suất của tấm kính có chức năng của pin mặt trời. Liên quan tới chủ đề này, kính là một trong những vật liệu chủ đạo sẽ được sử dụng thường xuyên hơn để thực hiện các dự án kiến trúc phức tạp./.

**N.Liubin, GS. Đại học Quốc gia Tula (Nga)**

*Nguồn: Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Quốc tế tháng 12/2017*

**ND: Lê Minh**

## Cải tạo không gian các cơ sở công nghiệp cũ trong đô thị

Đô thị là một cơ thể sống, có sự thay đổi linh hoạt và phát triển không ngừng. Cảnh quan hiện hữu của mỗi đô thị cũng cần được đổi mới và cấu trúc lại liên tục. Quá trình biến đổi của môi trường đô thị để đáp ứng các điều kiện xã hội thay đổi sẽ dần được hoàn thiện mà không phụ thuộc vào mong muốn cũng như những

hạn chế về mặt quản lý của con người. Quá trình này có thể diễn ra tự phát, mất kiểm soát hoặc trong khuôn khổ các chương trình kế hoạch phát triển tương lai của thành phố, nhằm tạo một môi trường với mối quan hệ không gian - công trình kiến trúc hài hòa, mang bản sắc văn hóa vùng miền cụ thể. Đó chính là nhiệm



Tòa nhà xưởng dệt cũ tại quảng trường trung tâm Ala Too

vụ cơ bản của các kiến trúc sư và các nhà quy hoạch đô thị. Trong quá trình hình thành các điều kiện cho các tương tác xã hội, cảnh quan đô thị “ẩn chứa trong mình những ý niệm về cái đẹp và chức năng xã hội, thể hiện cấp độ văn hóa chung của thành phố và thậm chí, của cả một quốc gia” (theo O.Uva rova, “Cảnh quan đô thị là hiện tượng văn hóa”, 2012). Nội dung đổi mới và phương pháp đổi mới đối với các khu vực đô thị luôn là mối quan tâm của giới chuyên môn không chỉ của một thành phố hay quốc gia nào đó, mà ở quy mô toàn cầu.

Các cơ sở công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp cũ là vấn đề cần xử lý trong các quy hoạch đô thị hiện hữu của nhiều quốc gia, trong đó có các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG). Trong thời kỳ hậu Xô viết, sự suy thoái của các quan hệ kinh tế - xã hội dẫn đến sự suy thoái của các nhà máy công nghiệp tại hầu hết các thành phố thuộc Liên Xô trước đây. Những khuôn viên bỏ hoang phế và các công trình đô thị xung quanh đang phá vỡ chức năng các khu vực dân sinh vốn có và làm xuống cấp hình ảnh chung của đô thị. Tình trạng đó đã xảy ra tại Bishkek (trước đây là Frunze - thủ đô của Cộng hòa Kyrghyzstan). Các cơ sở sản xuất công nghiệp đã dừng hoạt động - đặc biệt tại khu vực trung tâm thành phố - cần được cải tạo để nâng cao chất lượng không gian đô thị và sử dụng hợp lý tài nguyên đất. Từ đầu thế kỷ XXI, tại Bishkek, một loạt dự án tái thiết các cơ sở công



Trường đại học quốc tế Alatau được cải tạo từ một phần các khối nhà của xí nghiệp dệt phẩm

nh nghiệp đã được triển khai, song tới nay, việc cải tạo các cơ sở này vẫn tiếp tục gây ra nhiều phản ứng. Việc hồi sinh các cơ sở công nghiệp cũ, tích hợp khuôn viên của các cơ sở đó vào cảnh quan chung của đô thị, đảm bảo đáp ứng với thực trạng mới trong quy hoạch đô thị của Bishkek, cũng như toàn bộ hệ thống các đô thị của Kyrghyzstan, là một trong những nhiệm vụ ưu tiên trong chính sách quy hoạch đô thị quốc gia.

Tính hợp lý và hiệu quả sử dụng các hình thức cải tạo môi trường với mối quan hệ không gian - công trình đã và đang được tranh luận rất nhiều, và vấn đề này cần được tiếp tục nghiên cứu.

Trước đây, việc cải tạo các cơ sở công nghiệp cũ, các tiền đề cho việc cải tạo, phục hồi và thích ứng đã được nhiều nhà phê bình kiến trúc của Nga nghiên cứu. Kinh nghiệm của nước ngoài cũng cho thấy những thành công của các kiến trúc sư tên tuổi như R.Piano, J.Makaslano, Z.Hadid, N.Foster trong việc cải tạo các không gian công nghiệp cũ. Tại Kyrghyzstan hiện chưa có công trình nghiên cứu bài bản nào về vấn đề này. Thông qua bài viết này, các tác giả mong muốn nêu lên sự cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu (cả vĩ mô và vi mô) đối với vấn đề cải tạo và phục hồi các khu đất công nghiệp hoang phế trong đô thị.

Bishkek là một trong những thành phố có cấu trúc quy hoạch từ thời Xô viết, đặc trưng bởi chất lượng nhà ở thấp, trong khi tỷ lệ diện tích kho bãi - nhà xưởng khá lớn (đặc biệt tại khu



*Một góc công trường thi công cải tạo liên hợp xây dựng nhà ở cũ thành các tổ hợp nhà ở và công trình công cộng*

vực trung tâm thành phố), tình hình giao thông không thuận lợi (mức độ phát triển hạ tầng giao thông không đáp ứng được mức tải, và không theo kịp tốc độ tăng trưởng phương tiện cá nhân). Sự phát triển nhanh chóng của thành phố trong vòng hai thập kỷ qua dẫn đến nhu cầu nâng cấp và đổi mới hệ thống hạ tầng đô thị. Ngay từ những năm 80 của Thế kỷ XX, các nhà quy hoạch đã đề cập tới vấn đề “trong thực tế quy hoạch đô thị hiện nay, thành phố dần cạn kiệt khả năng phát triển nhanh chóng, do đó cần phát triển nhờ các nguồn dự phòng bên trong, tái thiết và gia tăng mật độ xây dựng đô thị”. Việc tăng diện tích xây dựng thiếu kiểm soát và tự phát bùng nổ đầu thập niên 90 đòi hỏi thông qua các giải pháp nhằm hạn chế sự gia tăng này, đẩy mạnh quy hoạch đô thị theo xu hướng chuyển từ xây dựng theo bề ngang sang xây dựng theo phương thẳng đứng, cải tạo các cơ sở công nghiệp cũ, phục hồi môi trường sống trong đô thị về mặt thẩm mỹ cũng như sinh thái. Thời kỳ đó, các việc này bị cản trở do chưa hình thành khái niệm phát triển đô thị hài hòa, bao gồm việc cải cách trong từng thời điểm cụ thể và các cải cách liên quan trong toàn bộ các hệ thống, có tính tới việc đổi mới về bố cục kết cấu và đổi mới về môi trường xã hội. Việc tái thiết các lãnh thổ đô thị sẽ cho phép giải quyết một cách tổng thể vấn đề cải tạo không gian sống, đảm bảo cân bằng sinh thái và cải thiện tính thẩm mỹ, có tính đến truyền



*Trung tâm thương mại Dordoi Plaza được cải tạo từ nhà máy gạch và vật liệu xây dựng*

thống văn hóa vùng miền. Trong quá trình cải tạo, đổi mới cảnh quan đô thị có cả việc cải tạo các cơ sở công nghiệp cũ đã không còn sử dụng.

Các nhà nghiên cứu khi xem xét sự thay đổi công năng của cơ sở công nghiệp cũ đã phân chia thành 3 quy trình cải tạo - bảo tồn (duy trì) công năng, chuyển đổi một phần công năng, chuyển đổi hoàn toàn công năng.

Đặc điểm của các khu dân cư ở Kyrgyzstan là có lịch sử non trẻ. Đất nước này không có nhiều lâu đài cung điện, các trang trại, biệt thự, các nhà máy công nghiệp (cũ) nổi tiếng. Do đó, trong quy hoạch đô thị hiện đại của Kyrgyzstan, vấn đề bảo tồn giá trị lịch sử của các công trình công nghiệp không được xem xét. Sự cần thiết bảo tồn các công trình lịch sử, phục chế mặt tiền hoặc các yếu tố của kết cấu xây dựng hầu như không được đề cập tới. Nhiều nhà nghiên cứu kiến trúc đã thẳng thắn nhận xét: các giải pháp quy hoạch kiến trúc áp dụng tại đa số các cơ sở công nghiệp cũ chủ yếu mang tính công nghệ - tận dụng. Hình thức bên ngoài của các công trình và công tác cải tạo chỉnh trang các cơ sở công nghiệp cũ chưa được quan tâm đúng mức.

Các khu công nghiệp trước đây được hình thành tự phát, thiếu sự tính toán kỹ lưỡng mọi yêu cầu quy hoạch và vệ sinh khu vực. Trong những năm 20-30, công nghiệp bắt đầu phát triển. Tại Bishkek, các nhà máy, xí nghiệp sản

xuất da, giày, lông, len, tơ lụa, thuốc lá, thịt, các phân xưởng cơ khí, sửa chữa máy kéo, sửa chữa ô tô, sản xuất sản phẩm kim loại, nhà máy gạch lán lướt mọc lên. Việc thiếu quy hoạch tổng thể, thiếu đội ngũ chuyên gia có trình độ khiến việc bố trí các cơ sở công nghiệp trở nên bất hợp lý ngay trong trung tâm thành phố. Chiến tranh thế giới II lại tạo thêm điều kiện để biến Thủ đô thành một trung tâm lớn của các ngành công nghiệp luyện kim và chế tạo máy, ngoài ra công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm vẫn tiếp tục phát triển như trước kia. Trong giai đoạn 1950 - 1980, tiềm lực công nghiệp và kinh tế của đất nước tiếp tục được phát huy, nhiều phân xưởng dệt may, nhà máy nhiệt điện Frunze, nhà máy ô tô, Liên hiệp xây dựng nhà ở... tiếp tục được thành lập.

Việc bố trí thiếu hợp lý các nhà máy công nghiệp tại trung tâm thành phố là nguyên nhân dẫn đến sự cần thiết phải cải thiện tính hấp dẫn thẩm mỹ và sinh thái của môi trường - được dự tính trong Đồ án quy hoạch chi tiết khu vực trung tâm, được nghiên cứu lần đầu tiên năm 1976. Ngoài các biện pháp cải thiện hạ tầng, chỉnh trang đô thị, Đồ án còn xem xét giải pháp di dời dần các cơ sở công nghiệp - kho bãi cũ từ khu vực trung tâm ra ngoại ô thành phố. Cho tới nay, phần lớn các cơ sở công nghiệp trong thành phố không còn hoạt động nữa, song vấn đề cải tạo các khu đất bị bỏ hoang vẫn chưa được giải quyết xong. Nhà máy chế tạo máy xây dựng Lê Nin có tổng diện tích hơn 100ha nằm ngay trong trung tâm thành phố chỉ còn hoạt động khoảng 1/4 công suất và đang tồn tại như một vết hoen trên bản đồ của thủ đô. Hơn 150 ha của nhà máy chế tạo máy nông nghiệp Frunze đã ngưng hoạt động hiện vẫn bị bỏ hoang, lộn xộn và xuống cấp trầm trọng. Nhà máy ô tô Kyrghyzmach, nhà máy sản xuất thiết bị điện và một số nhà máy khác cũng trong tình trạng tương tự.

Xu hướng cải tạo các không gian công nghiệp cũ của Bishkek đã khởi nguồn từ đầu



*Nội thất của trung tâm thương mại Dordoi Plaza*

thập kỷ 1980 khi xây dựng quảng trường trung tâm Ala Too, song song với quá trình tái thiết phân xưởng dệt "Ilbirs" nằm ngay trung tâm quảng trường, duy trì mục đích chức năng ban đầu của xưởng. Các mặt dựng của tòa nhà phân xưởng dệt cũ được ốp đá hoa cương, trong đó trên 3 mặt thiết kế các vòm trang trí lớn. Tuy dự án rất thành công, song kinh nghiệm cải tạo cho tới nay vẫn chưa được phát huy rộng rãi tại Kyrghyzstan.

Những bước tiến đầu tiên trong lĩnh vực chuyển đổi công năng các cơ sở công nghiệp trong thế kỷ XXI là biện pháp tạo bố cục mới trên cơ sở những kết cấu cũ. Năm 2003 - 2005, một số xưởng rượu, bánh kẹo đã được áp dụng biện pháp này để chuyển đổi thành các cơ sở thương mại, ngân hàng và văn phòng. Sau đó, biện pháp đơn giản nhất để cải tạo phần không gian còn lại của các cơ sở công nghiệp cũ được áp dụng - phá dỡ toàn bộ các công trình cũ và xây mới trên khu đất trống. Quá trình hồi sinh các không gian công nghiệp rộng lớn này thời kỳ đó chưa được xem xét đồng bộ với việc cải tạo chất lượng môi trường, xã hội, tạo môi trường sinh hoạt tiện nghi thoải mái cho mọi công dân; đầu đó, ý niệm về "mâu thuẫn giữa chủ công trình với cộng đồng dân cư" vẫn được cho phép. Khu đất của nhà máy gạch và vật liệu xây dựng cũ là một ví dụ. Khu đất rộng lớn được rào cao trước kia nay được phá bỏ tường rào và phân lô để tái thiết. Một tổ hợp đa năng



được xây dựng tại đây, với ba mặt là các căn phòng, một mặt là tường cao kín mít với các họa tiết trang trí đẹp mắt. Công trình tiếp giáp với trung tâm thương mại (được xây năm 2003) về phía tây, tạo nên một không gian thương mại thống nhất và rộng lớn. Cạnh công trình về phía đông, một tòa chung cư được xây dựng, với nhiều yếu tố kiến trúc phi truyền thống, nổi bật trong ngữ cảnh xây dựng xung quanh. Không gian bên trong được giới hạn bởi cụm công trình này dường như rất phù hợp để thiết kế một không gian nghỉ ngơi giải trí tuyệt vời có các sân chơi hiện đại dành cho cả trẻ em và người lớn, và các bãi đỗ xe. Tuy nhiên, theo tập quán của các nhà xây dựng Bishkek, một phần đáng kể của không gian này được biến thành một bến xe ô tô ngoài trời, không có cây xanh. Ở đây, vấn đề lành mạnh hóa môi trường và cải thiện chất lượng không gian đô thị đã bị lợi ích của các nhà đầu tư lấn át.

Chuyển đổi công năng cho các công trình công nghiệp không còn hoạt động tức là thay đổi mục đích sử dụng của công trình cho các hình thức sử dụng mới - văn phòng, các diện tích trưng bày, triển lãm, khách sạn, cơ sở ăn uống, rạp hát, nhà ở... Tại Bishkek, chuyển đổi sang chức năng thương mại là hình thức cải tạo thông dụng nhất. Các trung tâm thương mại luôn cần không gian có mái che rộng lớn, những không gian bên trong để tổ chức buôn bán, hình thành các hàng quán mô phỏng các dãy phố phố đô thị với đầy đủ các cửa hàng, quán cà phê, các khu vực công cộng. Cấu trúc căn bản của phần lớn các công trình công nghiệp được xây dựng trong những năm 1970-1980 là các kết cấu bê tông cốt thép lắp ghép có khung, hệ dầm xà, vách ngăn bằng các panel bê tông keramzit lớn. Tận dụng được điều này, những không gian rộng lớn bên trong các khối nhà công nghiệp không cần quá nhiều chi phí để chuyển đổi sang chức năng thương mại. Quá trình cải tạo và chuyển đổi thành các trung tâm thương mại - giải trí được áp dụng với phần

lớn các công trình công nghiệp nằm tại trung tâm thành phố.

Khi thiết kế trung tâm thương mại - giải trí Tash Rabash (2008), giải pháp “mặt tiền thứ hai” được áp dụng, bằng cách tạo một vỏ ngoài hấp dẫn, ứng dụng các vật liệu trang trí hiện đại. Không gian bên trong theo truyền thống được thiết kế dưới dạng một sảnh lớn trung tâm bao quanh bởi các gian hàng, quầy hàng. Tuy nhiên, chiều rộng bị hạn chế của phân xưởng cũ không cho phép sử dụng sảnh vào các mục đích thương mại như dự kiến ban đầu. Dự án cũng không xem xét vấn đề bãi đỗ xe cho các phương tiện giao thông, trong thiết kế hầu như thiếu không gian phía trước lối vào, do đó thiếu thuận lợi và thiếu tiện nghi cho khách đến với trung tâm.

Ví dụ cho phương án cải tạo không cần phá dỡ để chuyển đổi thành cơ sở giáo dục là quá trình cải tạo xí nghiệp được phẩm phía đông Thủ đô. Một phần các khối nhà được chuyển đổi chức năng thành trường tiểu học tư thục “Seitek”, một phần khác được cải tạo thành trường đại học quốc tế Alatoo. Giữa hai cơ sở giáo dục này còn một phần đất nữa chưa có kế hoạch sử dụng của xí nghiệp được phẩm cũ. Dự án tái thiết không gian công nghiệp cũ thành các cơ sở giáo dục được phối hợp với các doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ. Khó mà nói đó là những cơ sở giáo dục đào tạo nếu chỉ quan sát bề ngoài. Bước vào bên trong, nội thất của các khối nhà được cải tạo và trang bị lại rất hiện đại để đáp ứng chức năng mới.

Ví dụ khác về việc bảo tồn toàn vẹn diện mạo bề ngoài của công trình công nghiệp cũ, đồng thời thiết kế và trang bị lại cho không gian bên trong là tòa nhà cũ của xưởng sửa chữa, dịch vụ và lắp đặt thiết bị y tế được xây dựng năm 1975. Ngoại thất hiện đại của nền công nghiệp đô thị được bảo tồn tối đa; trang thiết bị nội thất được lắp đặt lại toàn bộ, kết hợp với một số kết cấu mở - tòa nhà trở thành một trung tâm

nghệ thuật, một địa chỉ hấp dẫn đối với những người ham thích sáng tạo, trân trọng tính tối giản và tính thực tế.

Việc đóng cửa một loạt các cơ sở công nghiệp trong nội đô, giảm sản lượng sản xuất làm nảy sinh nhu cầu mới trong chính sách quy hoạch đô thị của Bishkek. Tuy đã có những ví dụ về tái thiết và chuyển đổi công năng của một số công trình công nghiệp riêng lẻ, việc cải tạo ở quy mô lớn đối với các không gian công nghiệp cũ chưa được triển khai, vẫn còn nhiều tòa nhà của các cơ sở công nghiệp lớn trước đây bị bỏ hoang và xuống cấp nghiêm trọng. Trong giai đoạn hiện nay, công cuộc tái thiết và cải tạo toàn bộ các không gian công nghiệp cũ nhằm phát huy tiềm năng quy hoạch, tạo môi trường sống tiện nghi, hoàn thiện các đặc điểm quy hoạch chức năng và bố cục không gian của môi trường đô thị, phát triển hạ tầng giao thông chính là những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển đô thị của Bishkek.

Một vấn đề nữa các tác giả muốn nhấn mạnh: Sự đổi mới toàn diện các không gian công nghiệp cũ cần phải thể hiện được tính tổng hợp của các yếu tố chức năng, nghệ thuật thẩm mỹ và kinh tế xã hội. Dự án cải tạo Liên hiệp xây dựng nhà ở đã dựa trên ý tưởng của KTS Robert Park “thành phố - đó là một cấu trúc nghệ thuật do con người tạo nên và dành cho con người”. Ý tưởng chính của dự án là hệ thống các giải pháp thiết lập một khu vực xanh, kết nối các khu dân cư hiện đại với khu vực công cộng, trong đó có khu vực làm việc, các cơ sở văn hóa, giải trí, thể thao. “Không gian kiến trúc - đối tượng quan tâm truyền thống của các kiến trúc sư - ngày càng được hiểu như không gian xã hội, nơi diễn ra các quy trình, các mối quan hệ, tương tác của xã hội”.

Theo thiết kế, các khu dân cư (có diện mạo riêng) được thống nhất trong một thiết kế

chung, được tập hợp xung quanh những mảng không gian xanh của sân chung. Số tầng theo thiết kế của các tòa nhà chỉ từ 4-7 vừa làm tăng tính linh hoạt trong xây dựng, đồng thời không làm mất đi các quan hệ xã hội của cư dân. Những tầng dưới cùng của các tòa nhà dành cho mục đích thương mại. Phía nam tổ hợp nhà là khu vực làm việc với các tòa nhà văn phòng cũng được tập hợp theo cùng một nguyên tắc - dọc theo chu vi sân chung, và chuyển tiếp tới một vườn hoa nhỏ, tạo nên một không gian xanh rất tiện nghi. Các kết cấu cần cầu treo, các khung bê tông cốt thép và khung kim loại rải rác khắp nơi được tận dụng trong thiết kế để tổ chức chỗ nghỉ ngơi giải trí cho cư dân và diện tích phủ xanh. Như vậy, trên khu đất của Liên hiệp xây dựng nhà ở cũ vẫn lưu giữ cảm nhận về quá khứ của khu vực. Những hình ảnh của quá khứ còn được bảo tồn trong những hình khối hình học đơn giản của các công trình được thiết kế, ở những vật liệu gia công trang trí được sử dụng, hay việc lắp kính tại những vị trí cần thiết... Phần trung tâm là một cụm các công trình giáo dục - văn hóa, gồm cả trung tâm nghệ thuật và bảo tàng. Cụm công trình này được nâng cao so với mặt đất, trên những cọc trụ vững chắc. Không gian bên dưới cụm công trình được tận dụng làm nơi nghỉ ngơi giải trí và bãi đỗ xe. Trung tâm nghệ thuật có một khán phòng ngoài trời dành cho các cuộc gặp gỡ giao lưu và tổ chức nhiều hoạt động khác. Ở phía tây khu đất, trong tòa nhà của một phân xưởng cũ, các kiến trúc sư đang xem xét thiết kế trung tâm thể thao có bể bơi và các phòng tập thể thao.

Việc hồi sinh các không gian đô thị xuống cấp là một trong những nhiệm vụ cấp thiết của Bishkek mà một giải pháp tổng thể sẽ cho phép cải thiện đáng kể môi trường đô thị. Bản chất xu hướng cải tạo các không gian công nghiệp cũ là

thay đổi chức năng của khu vực, định hướng lại dưới dạng các không gian văn hóa, công cộng, thương mại, không gian sống và không gian làm việc. Các nguyên tắc hình thành môi trường đô thị cũng cần được thay đổi theo hướng “thiết kế có định hướng xã hội”, trong đó chú trọng hơn tới việc tạo ra các không gian công cộng tích hợp với các khu vực công viên, khu dân cư, có tính tới những ý tưởng về tính đa dạng kiến trúc. Bên cạnh đó, thiết kế cảnh quan đô thị mới

và chất lượng còn đòi hỏi khả năng tìm kiếm sự hài hòa giữa định hướng xã hội của công trình đang được thiết kế với tính hợp lý kinh tế, tính hấp dẫn đối với các nhà đầu tư./

**O.Volichenko & các cộng sự**

*Nguồn: Tạp chí Kiến trúc & Xây dựng Nga*

*số 2/2018*

**ND: Lê Minh**

## **Nghiên cứu so sánh về công cuộc xây dựng đô thị thông minh tại hai nước Trung Quốc và Mỹ**

Năm 2016, Hiệp hội Quản lý đô thị quốc tế và Hội đồng Đô thị thông minh (Smart Cities Council) liên kết triển khai một cuộc điều tra bằng bảng hỏi đối với các nhà quản lý đô thị tại Trung Quốc và Mỹ, mục đích là để hiểu rõ hơn về mức độ coi trọng và công tác triển khai có liên quan tới các kỹ thuật về đô thị thông minh tại chính quyền các địa phương. Hội đồng Đô thị thông minh là một tổ chức chuyên ngành toàn cầu về kỹ thuật đô thị thông minh, cũng là người ủng hộ chính cho việc xây dựng đô thị thông minh toàn cầu. Hội đồng Đô thị thông minh đề xướng 3 giá trị trọng tâm để nhấn mạnh quan niệm đô thị thông minh: Thứ nhất, tính đáng sống. Khả năng cung cấp đô thị với điều kiện sống sạch sẽ, lành mạnh, không có ô nhiễm và ùn tắc giao thông, những đô thị kiểu này có cơ sở hạ tầng được số hóa, cư dân đô thị có thể hưởng các dịch vụ đô thị vào bất cứ thời điểm nào và tại bất cứ nơi đâu. Thứ hai, dễ tìm kiếm việc làm. Đô thị có thể cung cấp các cơ sở hạ tầng có hiệu quả, bao gồm năng lượng, liên kết, tính toán và các dịch vụ cơ bản, trong cạnh tranh toàn cầu có thể cung cấp những cơ hội việc làm có sức hấp dẫn. Thứ ba, tính bền vững. Đô thị không thể cung cấp các dịch vụ với cái giá là sự bội chi trong tương lai. Căn cứ vào ba giá trị trọng tâm này, đô thị

thông minh có thể được định nghĩa là nơi vận dụng các biện pháp kỹ thuật thông tin và truyền thông để xây dựng nên khu cộng đồng bền vững đáng sống và dễ tìm kiếm việc làm.

Dựa trên những điều tra nghiên cứu đối với các nhà quản lý đô thị của hai nước Trung Quốc và Mỹ, bài viết này đã so sánh những vấn đề chung mà chính quyền địa phương hai nước phải đối mặt trong quá trình xây dựng đô thị thông minh, phân tích được những con đường lựa chọn khác nhau trong xây dựng đô thị thông minh của chính quyền địa phương hai nước.

### **1. Phương pháp nghiên cứu**

Điều tra nghiên cứu tại Mỹ chủ yếu thông qua phương thức gửi thư để tiến hành, bản câu hỏi bằng giấy được chuyển tới 3.423 người đồng thời một trang mạng được mở ra để gửi các câu hỏi. Điều tra đã thu được tổng cộng 493 bài trả lời, tỷ lệ bài trả lời có hiệu quả là 14,4%, trong đó, tỷ lệ câu trả lời tại đô thị (City) cao hơn tỷ lệ này, tỷ lệ câu trả lời tại các quận (County) thấp hơn tỷ lệ này, tỷ lệ câu trả lời ở khu vực phía Tây vượt trên tỷ lệ này, tỷ lệ câu trả lời ở khu vực phía Đông bắc thấp hơn tỷ lệ này.

Điều tra nghiên cứu tại Trung Quốc chủ yếu được tiến hành thông qua phương thức phỏng vấn trực tiếp, để tiết kiệm chi phí điều tra nghiên cứu và đảm bảo tính tiêu biểu của điều tra

nghiên cứu, điều tra lần này đã lựa chọn ra các quan chức phụ trách chủ yếu tại 257 đơn vị cấp huyện (bao gồm huyện, thành phố cấp huyện, thị trấn hoặc khu vực thuộc thành phố cấp tỉnh) thuộc 4 tỉnh của Trung Quốc (Giang Tô, Sơn Đông, Vân Nam và Thiểm Tây) làm đối tượng phỏng vấn. Bốn tỉnh này lần lượt đại diện cho các khu vực có mức phát triển kinh tế khác nhau tại Trung Quốc: Giang Tô và Sơn Đông đại diện cho khu vực có nền kinh tế phát triển nhất Trung Quốc, Thiểm Tây đại diện cho khu vực có nền kinh tế phát triển ở mức trung bình tại Trung Quốc, Vân Nam đại diện cho khu vực có nền kinh tế phát triển kém tại Trung Quốc. Ngoài ra, 4 tỉnh này đại diện cho 3 phân khu theo ý nghĩa địa lý văn hóa của Trung Quốc: Giang Tô và Sơn Đông đại diện cho khu vực phía Đông của Trung Hoa, Thiểm Tây đại diện cho khu vực Tây Bắc, Vân Nam đại diện cho khu vực Tây Nam.

## 2. Mức độ coi trọng của hai nước Trung Quốc và Mỹ về đô thị thông minh

Điều tra nghiên cứu lần này có sử dụng câu hỏi sau: Bạn hãy hình dung về mức độ coi trọng tổng thể của khu cộng đồng (đô thị) nơi bạn sống đối với đô thị thông minh? Tại Mỹ, 17,1% quan chức hành chính đứng đầu chính quyền địa phương coi trọng cao độ đối với đô thị thông minh, 36,8% quan chức hành chính đứng đầu chính quyền địa phương có mức độ coi trọng trung bình đối với đô thị thông minh. Còn tại Trung Quốc, 37% quan chức phụ trách chính quyền địa phương coi trọng cao độ đối với đô thị thông minh, 41,3% quan chức phụ trách chính quyền địa phương có mức độ coi trọng trung bình đối với đô thị thông minh. Một điều nổi bật dễ dàng nhận thấy đó là, quan chức chính quyền địa phương của Trung Quốc có mức độ coi trọng nhiều hơn đối với đô thị thông minh, nhưng khi so sánh, mặc dù nước Mỹ là nước đưa ra triết lý đô thị thông minh đầu tiên, xong mức độ coi trọng đối với đô thị thông minh khi so sánh lại chưa thật sự cao.

Có hai nguyên nhân có thể lý giải sự khác nhau giữa hai nước Trung Quốc và Mỹ: *Thứ nhất*, mặc dù Trung Quốc lạc hậu hơn Mỹ trên con đường xây dựng đô thị thông minh, nhưng do hiệu ứng phổ cập kỹ thuật và khả năng học hỏi siêu việt của các quan chức chính quyền địa phương của Trung Quốc khiến cho chính quyền địa phương của Trung Quốc có thể thực hiện nhanh chóng công cuộc xây dựng đô thị thông minh, đây chính là nguyên nhân chính quyền địa phương của Trung Quốc coi trọng phổ biến việc xây dựng đô thị thông minh. *Thứ hai*, Trung Quốc là một nước XHCN từ trên xuống dưới, tính ưu việt lớn nhất trong chế độ chính là có thể tập trung lực lượng khi làm việc lớn, chỉ cần chính quyền trung ương có kế hoạch thống nhất, chính sách sẽ rất nhanh chóng được thực hiện tới các địa phương. Từ năm 2014, Chính phủ Trung Quốc đã liên kết 8 Bộ đưa ra “Ý kiến chỉ đạo thúc đẩy phát triển lành mạnh đô thị thông minh”, trong đó chỉ ra, tới năm 2020 xây dựng một loạt các đô thị thông minh có đặc điểm nổi bật. Sau đó, các Bộ có liên quan lại lần lượt đưa ra các chính sách thúc đẩy xây dựng đô thị thông minh, điều này đã tạo động lực thúc đẩy trực tiếp đối với chính quyền các địa phương trong việc coi trọng xây dựng đô thị thông minh.

Tất nhiên, hai nước Trung Quốc và Mỹ cũng sẽ thể hiện một số quy luật giống nhau, cụ thể, mức độ coi trọng tại các đô thị có quy mô lớn cao hơn các đô thị có quy mô nhỏ, tức đô thị lớn coi trọng xây dựng đô thị thông minh hơn. Điều này có thể lý giải như sau: Trước hết, đô thị có quy mô tương đối lớn do có hiệu ứng về mặt quy mô nên có thể giảm bớt chi phí bình quân đầu người phải chịu khi xây dựng đô thị thông minh, cũng có thể nâng cao lợi ích bình quân đầu người có được từ xây dựng đô thị thông minh, do đó đô thị có quy mô tương đối lớn càng có hứng thú và động lực thúc đẩy xây dựng đô thị thông minh. Thứ hai, đô thị có quy mô tương đối lớn luôn có nhiều tài nguyên và tài

chính hơn để thúc đẩy thực hiện xây dựng đô thị thông minh, trong khi các đô thị quy mô nhỏ mặc dù có hứng thú với đô thị thông minh nhưng cũng vì sự hạn chế về tài nguyên nên không thể hành động được.

Về phương diện mức độ coi trọng đối với các kỹ thuật đô thị thông minh, điều tra nghiên cứu đã sử dụng câu hỏi sau: “Trong những lĩnh vực sau đây, kỹ thuật đô thị thông minh đại biểu cho mức độ coi trọng nào của khu cộng đồng (đô thị) bạn sinh sống?” Tại Mỹ, tần suất trả lời câu hỏi cao nhất về lĩnh vực được kỹ thuật đô thị thông minh coi trọng là ngành an toàn công cộng, hầu như gần một nửa số quan chức hành chính đứng đầu được điều tra (48,9%) lựa chọn coi trọng nhất. Tiếp theo sau là dịch vụ khách hàng/tham gia công chúng (32,9%), cấp nước và nước thải (29,7%), thông tấn từ xa (26,5%) và giao thông (26,3%). Còn tại Trung Quốc, những quan chức được phỏng vấn cho biết, đô thị nơi họ sống rất coi trọng kỹ thuật đô thị thông minh thuộc lĩnh vực an toàn công cộng, trên 2/3 quan chức được phỏng vấn (68,1%) cho rằng lĩnh vực an toàn công cộng có vị trí quan trọng nhất, y tế, giáo dục và dịch vụ dân sự (67,0%), thực phẩm (56,5%), cấp nước và nước thải (49,2%) và giao thông (48,9%) cũng được các quan chức cho rằng đứng ở 5 vị trí ưu tiên hàng đầu trong các kỹ thuật đô thị thông minh.

Trước hết, các quan chức hành chính địa phương của hai nước đều rất coi trọng các kỹ thuật an toàn công cộng. An toàn công cộng là tiền đề và cơ sở cho việc xây dựng và phát triển đô thị, không có an toàn công cộng thì không thể nói đến xây dựng và phát triển đô thị, huống chi xây dựng đô thị thông minh. Trong phương diện kỹ thuật đô thị thông minh thứ hai được coi trọng lại thể hiện rõ sự khác biệt. Quan chức chính quyền địa phương tại Mỹ quan tâm nhiều hơn tới dịch vụ khách hàng/ tham gia công chúng, còn Trung Quốc lại thể hiện sự coi trọng đối với y tế, giáo dục và dịch vụ dân sự. Nguyên nhân là vì, cách quản lý đô thị của Mỹ theo đuổi

nguyên tắc dân chủ có sự tham gia của đông đảo quần chúng, ý nguyện và sự tham gia của đông đảo người dân là nguồn gốc và căn cứ quan trọng cho các chính sách ra đời, còn các đô thị của Trung Quốc lại cần lực lượng tập trung để giải quyết các vấn đề quan trọng là y tế, giáo dục và dịch vụ dân sự, đây cũng là nguyên nhân quan trọng khiến các quan chức chính quyền địa phương Trung Quốc coi trọng cao độ vấn đề dân sinh. Ngoài ra, quan chức chính quyền địa phương hai nước cũng thể hiện sự coi trọng với mức độ tương đương đối với các kỹ thuật trong phương diện xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị thông minh như cấp nước, nước thải, thông tấn từ xa, giao thông...

### 3. Công tác xây dựng đô thị thông minh

Trong phương diện tình hình sử dụng các kỹ thuật đô thị thông minh, trong điều tra nghiên cứu đã sử dụng câu hỏi sau: “Cộng đồng (đô thị) nơi bạn sống hiện tại đạt đến trình độ nào trong phương diện hội nhập khoa học kỹ thuật đô thị thông minh?” Tại Mỹ, chi trả và tài chính thông minh là lĩnh vực kỹ thuật được các nhà quản lý đô thị trả lời sôi nổi nhất trong các câu trả lời, 59,5% các nhà quản lý đô thị lựa chọn tình hình sử dụng các kỹ thuật có liên quan tới lĩnh vực này là “triển khai tích cực”. Bốn lĩnh vực kỹ thuật xếp liền sau đó là dịch vụ khách hàng/tham gia công chúng (39,7%), năng lượng (38,7%), cấp nước và nước thải (37,5%) và thông tấn từ xa (35,7%). Còn tại Trung Quốc, dữ liệu mở là lĩnh vực kỹ thuật đô thị thông minh được tích cực đầu tư xây dựng nhất tại đô thị, có 43,6% các quan chức được phỏng vấn bày tỏ nơi đô thị họ sống đã triển khai và vận hành kỹ thuật này. Thông tấn từ xa (41,2%), chi trả và tài chính thông minh (40,6%), an toàn công cộng (34,1%) và tham gia công chúng (30,3%) cũng là 5 kỹ thuật đô thị thông minh được tích cực triển khai và vận hành tại đô thị của Trung Quốc.

Có thể thấy, tình hình sử dụng các kỹ thuật đô thị thông minh tại hai nước Trung Quốc và Mỹ có những khác biệt. Tháng 11/2008, IBM

đưa ra khái niệm “Hành tinh thông minh” (Smart Planet), đồng thời vào tháng 1/2009 kiến nghị lên chính phủ Tổng thống Obama đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin dạng thông minh thế hệ mới. Sau đó, trong kế hoạch phục hồi nền kinh tế, lần đầu tiên chính phủ Tổng thống Obama miêu tả về khái niệm đô thị thông minh nước Mỹ, đồng thời lấy Iowa là nơi đầu tiên trong 50 bang của nước Mỹ lần lượt khởi động kế hoạch đô thị thông minh. Nước Mỹ là nước có nền kinh tế hàng đầu trên thế giới hiện nay, do đó tích cực triển khai các kỹ thuật có liên quan mật thiết với nền kinh tế như chi trả và tài chính thông minh... mang tính tất yếu và tính cần thiết. Còn tại Trung Quốc, 17/1/2007, Quốc vụ viện Trung Quốc đã thông qua “Điều lệ công khai thông tin Chính phủ nước CHND Trung Hoa” tại Hội nghị Thường vụ lần thứ 165, đồng thời từ 1/5/2008 bắt đầu thi hành. Sau đó, ý kiến sửa đổi đối với “Điều lệ công khai thông tin Chính phủ” thường xuyên được nêu ra, cuối cùng, Văn phòng pháp chế - Chính phủ Trung Quốc đã công bố bản thảo ý kiến trung cầu bản sửa đổi của “Điều lệ Công khai thông tin Chính phủ nước CHND Trung Hoa” vào ngày 6/6/2017. Vì vậy, chính quyền các địa phương tại Trung Quốc đã có căn cứ chính sách đối với việc triển khai tích cực các kỹ thuật dữ liệu mở, cũng có áp lực khi tích cực xây dựng nền tảng công khai thông tin chính phủ.

Trong phương diện làm sao sử dụng các kỹ thuật đô thị thông minh tại đô thị, trong bản điều tra nghiên cứu đã sử dụng câu hỏi sau: “Cộng

đồng (đô thị) nơi bạn sống đã thực thi khoa học kỹ thuật đô thị thông minh chủ yếu bằng con đường nào?” Tại Mỹ, đa số các nhà quản lý đô thị (69,4%) cho rằng, phương án giải quyết của đô thị thông minh được triển khai trong khu cộng đồng bằng phương thức kết hợp khai thác và vận hành giữa hệ thống nội bộ và hệ thống các chuyên gia bên ngoài, thông qua tính khả thi trong khai thác và vận hành nội bộ (14,5%) nhiều hơn gấp 3 lần so với phương án giải quyết thông qua các chuyên gia bên ngoài (4,0%). Tại Trung Quốc, đa số quan chức được phỏng vấn (50,6%) cũng bày tỏ, đô thị họ đang sống thực thi khoa học kỹ thuật đô thị thông minh chủ yếu là sự kết hợp giữa khai thác và vận hành giữa hệ thống chuyên gia bên ngoài và hệ thống nội bộ, trong đó tính khả thi khi khai thác và vận hành nội bộ (19,4%) cao hơn nhiều so với phương án giải quyết từ chuyên gia bên ngoài.

Điều này cho thấy tính tương đồng trong phương diện con đường thực thi các kỹ thuật đô thị thông minh của chính quyền địa phương 2 nước, sự kết hợp giữa việc khai thác và vận hành của hệ thống nội bộ với sự hỗ trợ của các chuyên gia bên ngoài đã được Mỹ và các nước xây dựng đô thị thông minh chứng minh là một con đường khá phù hợp, do đó Trung Quốc cũng tích cực đi theo con đường này.

**Tad McGalliard, Lô Xuân Long**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn*

*Trung Quốc, số 16/2018*

**ND: Kim Nhạn**

## Hội nghị tổng kết công tác 2018 của ngành Xây dựng

Ngày 4/1/2019, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị “Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018, triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 của ngành Xây dựng”. Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đã đến dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà và các lãnh đạo Bộ Xây dựng; đại diện các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương; lãnh đạo các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng; Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch kiến trúc các địa phương trên cả nước.

Theo Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 của Bộ Xây dựng do Thứ trưởng Lê Quang Hùng trình bày tại Hội nghị, năm 2018 được Bộ Xây dựng xác định là năm bản lề thực hiện Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020; quán triệt quan điểm chỉ đạo, phương châm hành động của Chính phủ với chủ đề của năm “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả”, ngay từ đầu năm, Bộ Xây dựng đã xây dựng kịch bản tăng trưởng năm 2018 của Ngành và ban hành Chương trình hành động với 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và 85 nhiệm vụ cụ thể để triển khai các Chương trình, kế hoạch, Nghị quyết quan trọng của Chính phủ và Quốc hội.

Với sự nỗ lực và quyết tâm hoàn thành mọi mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra, trong năm 2018, ngành Xây dựng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, trong đó nổi bật là: Duy trì mức tăng trưởng khá với tốc độ 9,16% cho lĩnh vực xây lắp và khoảng 4% cho lĩnh vực kinh doanh bất động sản; tỷ lệ đô thị hóa cả nước đạt khoảng 38,4% (tăng 0,9% so với năm 2017), đạt xấp xỉ cận dưới của các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII (38 - 40%), hiện cả nước có 819 đô thị (tăng 6 đô thị so với năm 2017); tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung xây dựng đô thị đạt 100%, quy hoạch phân khu đạt khoảng 78% (tăng 1% so với năm 2016), quy hoạch chi



Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng phát biểu chỉ đạo Hội nghị

tiết đạt khoảng 39% (tăng 2% so với năm 2017); quy hoạch xây dựng nông thôn đạt 100% (tăng 0,6% so với năm 2017); tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 86% (tăng 1,5% so với 2017); tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải tại đô thị đạt khoảng 86% (tăng 0,5% so với 2017); tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch giảm còn khoảng 21,5% (giảm 1,5% so với 2017); diện tích bình quân nhà ở toàn quốc đạt khoảng 24m<sup>2</sup> sàn/người, tăng 0,6m<sup>2</sup> sàn/người so với 2017; tổng sản lượng xi măng tiêu thụ khoảng 95 triệu tấn, tăng 17% so với năm 2017, đạt 113% kế hoạch năm.

Năm 2018, Bộ Xây dựng chú trọng đặc biệt công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, xây dựng hành lang pháp lý hoàn chỉnh nhằm tạo lập, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi và bình đẳng. Bộ đã hoàn thành dự thảo và trình Chính phủ, Quốc hội 3 dự án Luật: Luật Quản lý phát triển đô thị; Luật Kiến trúc; Luật Sửa đổi bổ sung các Luật: Xây dựng, Nhà ở, Kinh doanh bất động sản, Quy hoạch đô thị. Hiện nay, Bộ đang nghiên cứu, đề xuất các nội dung sửa đổi Luật Nhà ở để thực hiện chính sách nhà ở đối với các bộ công chức theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ



*Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu tại Hội nghị*



*Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng phát biểu tại Hội nghị*

cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ (Nghị quyết số 26-NQ/TW). Bộ cũng đã trình và được Chính phủ ban hành 01 Nghị định, 01 Nghị quyết, 6 Quyết định, 2 Chỉ thị và ban hành theo thẩm quyền 9 Thông tư.

Đặc biệt, trong năm 2018, Bộ Xây dựng đã trình và được Chính phủ ban hành Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, trong đó đã bãi bỏ 41,3%, đơn giản hóa 47,3% và giữ nguyên 15% số điều kiện đầu tư kinh doanh trên tổng số 215 điều kiện đầu tư kinh doanh.

Bên cạnh đó, công tác quản lý đầu tư xây dựng tiếp tục được Bộ Xây dựng dành nhiều sự quan tâm, tạo chuyển biến tích cực, chất lượng công trình cơ bản được kiểm soát; các nhiệm vụ cụ thể về thanh tra, kiểm tra, thẩm tra, thẩm định thiết kế, nghiệm thu công trình và quản lý năng lực các chủ thể hoạt động xây dựng được thực hiện nghiêm túc. Công tác thanh tra, kiểm tra trật tự xây dựng được chú trọng đẩy mạnh. Năm 2018, Thanh tra xây dựng toàn Ngành đã thực hiện thanh tra, kiểm tra 37.360 lượt công trình; số công trình vi phạm tiếp tục giảm 2,7% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó công trình sai phép giảm 2,7%, công trình không phép giảm 4,2%.

Bên cạnh các hoạt động thường xuyên, Bộ Xây dựng và các địa phương cũng đã tích cực thực hiện cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng; tăng cường ứng dụng thông tin trong cấp phép xây dựng (mức độ 3,4). Riêng Bộ Xây dựng năm 2018 xây dựng và triển khai thực hiện Đề án thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính. Bộ Xây dựng là Bộ đầu tiên trong tổng số 22 Bộ, ngành chính thức triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính theo mô hình một cửa đặt tại Văn phòng Bộ, thực hiện tiếp nhận và trả kết quả xử lý thủ tục hành chính của toàn bộ 41 thủ tục hành chính cấp Bộ. Bộ cũng thực hiện đúng tiến độ Đề án “Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng”. Trong năm 2018, Bộ đã rà soát 14.448 định mức do Bộ Xây dựng công bố, kết quả loại bỏ 993 định mức lạc hậu, sửa đổi 2.879 định mức và bổ sung 1249 định mức; đã thẩm định và công bố 90 tiêu chuẩn xây dựng.

Công tác phát triển nhà ở, đặc biệt là nhà ở phục vụ an sinh xã hội tiếp tục có kết quả khả quan. Thị trường Bất động sản ổn định, phát triển tốt. Các chương trình nhà ở phục vụ an sinh xã hội như Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công, Chương trình hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo khu vực nông thôn, Chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt, Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân





*Toàn cảnh Hội nghị*

cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long, Chương trình phát triển nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại đô thị và công nhân khu công nghiệp tiếp tục được quan tâm, thực hiện cơ bản đúng tiến độ. Đặc biệt Chính phủ và Quốc hội đã bố trí đủ vốn để thực hiện dứt điểm Chương trình nhà ở cho người có công. Cả nước cũng đã, hoàn thành khoảng 5.800 căn nhà ở xã hội với tổng diện tích sàn khoảng 290.000m<sup>2</sup>.

Thị trường Bất động sản cơ bản được kiểm soát, tiếp tục tăng trưởng, chưa có dấu hiệu bất thường, cục đoạn lớn. Cơ cấu hàng hoá ngày càng đa dạng và được điều chỉnh từng bước hướng tới đáp ứng yêu cầu của nhiều tầng lớp người dân và thị trường. Trong 9 tháng đầu năm 2018, doanh số thị trường Bất động sản tăng 4,12% so với cùng kỳ; số doanh nghiệp bất động sản đăng ký mới 3.300 doanh nghiệp tăng 44,2%. Tổng vốn đầu tư vào các dự án bất động sản đang triển khai đạt khoảng 3,5 - 4 triệu tỷ đồng. Tổng dư nợ tín dụng đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản tính đến tính đến quý III/2018 là 465.688 tỷ đồng (giảm 2,84% so với quý II/2018). Tính đến ngày 20/12/2018, tổng giá trị tồn kho bất động sản còn khoảng 22.825 tỷ đồng, so với lúc đỉnh điểm ở Quý I/2013 đã giảm 105.723 tỷ đồng (giảm 82,24%); so với 20/12/2017 giảm 2.557 tỷ đồng (giảm 10,07%); so với 20/10/2018 giảm 150 tỷ đồng.

Công nghiệp vật liệu xây dựng phát triển mạnh, cơ bản đáp ứng nhu cầu trong nước về một số vật liệu xây dựng chủ yếu và mở rộng thị trường xuất khẩu. Hoạt động quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng tiếp tục được tăng cường. Sản lượng xi măng đạt 95 triệu tấn, vượt 113% kế hoạch năm. Gạch ốp lát: sản xuất và tiêu thụ đạt gần 705 triệu m<sup>2</sup>, tăng 5 triệu m<sup>2</sup> so với năm 2017; Sứ vệ sinh dự kiến đạt khoảng 16 triệu sản phẩm, tăng 10% so với năm 2017; sản lượng sản xuất và tiêu thụ vôi đạt trên 2,5 triệu tấn, tương đương năm 2017. Bộ tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án “Đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng” theo Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ; đơn đốc các địa phương thực hiện nghiêm túc Chương trình 567 của Thủ tướng chính phủ về tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung, hạn chế sản xuất và sử dụng gạch đất sét nung. Năm 2018, tổng sản lượng gạch không nung cả nước sản xuất ước đạt 8 tỷ viên (QTC), chiếm 30% tổng sản lượng gạch xây; gạch nung sản xuất ước đạt 18 tỷ viên (QTC), chiếm 70% tổng sản lượng gạch xây.

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2018, ngành Xây dựng đề ra các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2019 như sau: Giá trị sản xuất xây dựng toàn Ngành (theo giá hiện hành) tăng khoảng 9%-10% so với năm 2018; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 39,2%; tỷ lệ quy hoạch vùng tỉnh đạt 100%, tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đạt khoảng 78,3%; tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết đạt khoảng 39,5% so với diện tích đất xây dựng đô thị; quy hoạch xây dựng nông thôn (số lượng xã có quy hoạch chung) đạt 99,8%; tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 88%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch giảm xuống còn 20%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt

khoảng 86 - 86,5%; diện tích bình quân nhà ở toàn quốc đạt khoảng 24,5m<sup>2</sup> sàn/người; sản lượng sản phẩm xi măng khoảng 98 triệu tấn.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng ghi nhận và đánh giá cao những kết quả mà ngành Xây dựng đã đạt được trong năm 2018, đặc biệt là trong công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính.

Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng cho biết, năm 2019 được Chính phủ xác định là năm bút phá về hoàn thiện thể chế, đổi mới sáng tạo, huy động nguồn lực, do đó ngành Xây dựng cần phát huy những kết quả đã đạt được, tập trung cho công tác hoàn thiện thể chế, công cụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, rà soát hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn của ngành; chú trọng tạo bút phá về chất lượng các sản phẩm của ngành Xây dựng trong phát triển nhà ở, công trình xây dựng, vật liệu xây dựng; bút phá về phát triển nhà ở xã hội và về xử lý tro, xỉ.

Tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, Bộ Xây dựng sẽ nghiêm túc thực hiện những chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong triển khai thực các nhiệm vụ năm 2019.

Nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, kế hoạch năm 2019, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Bộ Xây

dựng quán triệt sâu sắc chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng và của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị toàn quốc của Chính phủ với các địa phương ngày 28/12/2018, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về yêu cầu phát triển ngành Xây dựng trong tình hình mới tại lễ kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống ngành Xây dựng Việt Nam tháng 4/2018, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Hội nghị “Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018, triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 của ngành Xây dựng”, qua đó tạo quyết tâm, nghị lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thực hiện thắng lợi kế hoạch công tác năm 2019, với tinh thần: Quyết liệt hơn, sáng tạo hơn, đạt được những kết quả cụ thể cao hơn năm 2018 và tạo ra được sự bút phá mới theo chủ đề hành động năm 2019 của Chính phủ.

Kết thúc Hội nghị, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cảm ơn sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng, sự phối hợp và giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương, các tổ chức, hiệp hội trong nước, quốc tế và người dân... đối với Bộ Xây dựng, giúp Bộ hoàn thành tốt nhất mọi nhiệm vụ, vai trò, chức năng của Bộ năm 2018 và những năm tiếp theo.

**Trần Đình Hà**

## **Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng tổng kết 15 năm quản lý xây dựng**

Ngày 5/01/2019 tại Hà Nội, Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị tổng kết 15 năm quản lý xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đến dự và phát biểu tại Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân; các đồng chí nguyên là

lãnh đạo Bộ Xây dựng, lãnh đạo Cục Hạ tầng kỹ thuật các thời kỳ; đại diện các cơ quan, ban ngành của Trung ương, Bộ Xây dựng và các địa phương; các tổ chức quốc tế và đối tác của Cục Hạ tầng kỹ thuật.

Trong Báo cáo tổng kết 15 năm hình thành và phát triển của Cục Hạ tầng kỹ thuật, PGS.TS. Mai Thị Liên Hương - Cục trưởng Cục



*Thủ tướng Nguyễn Đình Toàn phát biểu tại Hội nghị*

Hạ tầng kỹ thuật cho biết, Cục Hạ tầng kỹ thuật, tiền thân là Vụ Hạ tầng kỹ thuật đô thị, được thành lập năm 2003, là cơ quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước và thực thi pháp luật đối với lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải; quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Trong 15 năm qua, Cục Hạ tầng kỹ thuật đã nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức và từng bước khẳng định vai trò đầu tàu trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, góp phần vào sự thành công chung của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, nhất là làm thay đổi diện mạo và nâng cao chất lượng sống của người dân tại các đô thị trên cả nước.

Cục đã tham gia biên tập và góp ý kiến về các nội dung liên quan đến lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật trong nhiều Luật như: Luật Xây dựng 2014, Luật Quy hoạch đô thị 2009, Luật Bảo vệ môi trường 2014, Luật Tài nguyên nước 2012,... Đồng thời chủ trì soạn thảo và trình cấp có thẩm quyền ban hành 12 Nghị định, 14 Thông tư hướng dẫn; phối hợp với các đơn vị trong Bộ nghiên cứu hoàn thiện các định mức dự toán và quy chuẩn, tiêu chuẩn trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật. Từ lúc chưa hoặc không đầy



*Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Thủ tướng Nguyễn Đình Toàn trao Huân chương Lao động Hạng III cho Cục Hạ tầng kỹ thuật*

dủ thì đến nay hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật được xây dựng mới, bổ sung và hoàn thiện trên cả 09 lĩnh vực quản lý.

Nội dung quy định trong các văn bản cơ bản đã được làm rõ có tính thống nhất cao, giúp điều chỉnh các mối quan hệ trong quản lý và đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật giữa Nhà nước, người dân và doanh nghiệp, tạo môi trường pháp lý thuận lợi hơn cho phát triển hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; một số quy định làm thay đổi căn bản nhiều lĩnh vực như: Chuyển sản xuất, cung cấp nước sạch từ dịch vụ công ích sang sản xuất kinh doanh; chuyển từ phí sang giá đối với các dịch vụ: cung cấp nước sạch, thoát nước, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật,... nhằm tiệm cận cơ chế thị trường.

Nhìn chung, các Nghị định quản lý, thông tư hướng dẫn đã giúp công tác quản lý ngành, lĩnh vực ngày càng hiệu quả; thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và thu hút nguồn lực xã hội vào phát triển hạ tầng kỹ thuật.

Song song với nghiên cứu, soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật, việc chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng các định hướng, chiến lược, chương trình; lập các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật mang tính liên vùng, liên tỉnh cũng được Cục đặc biệt quan tâm.



*Thủ tướng Nguyễn Đình Toàn trao Huân chương Lao động Hạng III cho Cục trưởng Mai Thị Liên Hương*



*Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật, PGS.TS Mai Thị Liên Hương báo cáo tại Hội nghị*

Cục đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 03 định hướng lớn về phát triển cấp nước, thoát nước, chiếu sáng đô thị đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; 01 chiến lược quốc gia về quản lý chất thải rắn; 02 chương trình quốc gia về chống thất thoát thu nước sạch và bảo đảm cấp nước an toàn; 01 chương trình đầu tư về xử lý chất thải rắn. Nội dung các văn bản này đã cụ thể hóa các Nghị quyết, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và ngành Xây dựng thông qua việc xác định cụ thể các chỉ tiêu phấn đấu đạt được trong từng giai đoạn, các nhiệm vụ, giải pháp và phân công trách nhiệm thực hiện.

Với vai trò là cơ quan đầu mối, Bộ Xây dựng mà trực tiếp là Cục Hạ tầng kỹ thuật đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, nhiều chỉ tiêu cơ bản đã đạt và vượt kế hoạch đặt ra như: Tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch đã giảm từ 30% (năm 2010) xuống còn 21,5%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 86% (tăng 4% so với năm 2010).

Trong giai đoạn 2008 đến nay, đã có 14 đồ án quy hoạch hạ tầng kỹ thuật liên vùng được Cục chủ trì tổ chức lập, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ, bao gồm: 03 đồ án quy hoạch về cấp nước, thoát nước và xây dựng khu xử lý chất thải rắn của 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam; 03 đồ án quy

hoạch về cấp nước, thoát nước và xây dựng khu xử lý chất thải rắn của vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long; 06 đồ án quy hoạch về thoát nước và quản lý chất thải rắn cho 03 lưu vực sông: Cầu, Đồng Nai, Nhuệ - Đáy; 01 đồ án quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; 01 đồ án Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long. Các quy hoạch này là căn cứ để các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập, phê duyệt quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn, cũng là cơ sở cho việc đầu tư xây dựng các công trình đầu mối, công trình mạng lưới có ý nghĩa vùng.

Bên cạnh các hoạt động có liên quan đến quản lý nhà nước, Cục luôn chú trọng tăng cường các mối quan hệ hợp tác quốc tế và quản lý, điều phối hiệu quả các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi. Cục đã chủ động tạo dựng mối quan hệ tốt với Chính phủ các nước (Phần Lan, Đan Mạch, Na Uy, Nhật Bản, Đức,...); các tổ chức hợp tác quốc tế (JICA, GIZ, UNDP, SECO,...); các Ngân hàng đầu tư phát triển (WB, ADB,...); đặc biệt còn là cầu nối hợp tác trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật giữa các tỉnh, thành phố của Việt Nam và Nhật Bản như: Osaka - TP Hồ Chí Minh, Kitakyushu - Hải Phòng, Yokohama - Hà Nội, Shiga - Quảng Ninh, Kobe - Kiên Giang.

Thông qua các mối quan hệ này, Cục đã



*Các đại biểu tham dự Hội nghị*

vận động được nhiều nguồn tài trợ, đến nay đã và đang triển khai thực hiện hơn 20 chương trình, dự án thuộc các lĩnh vực về cấp thoát nước, vệ sinh môi trường và giao thông đô thị,... với nội dung chủ yếu là hỗ trợ hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực quản lý và đầu tư xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

Ngoài công tác quản lý về hạ tầng kỹ thuật, Cục còn được Bộ Xây dựng giao là đơn vị đầu mối của Bộ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện công tác phân giới cắm mốc biên giới Việt - Trung, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia.

Trong 15 năm qua, Cục đã tích cực phối hợp với Ủy ban Biên giới quốc gia, Bộ Ngoại giao và các đơn vị khác thuộc Bộ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ gồm: Công tác thiết kế mốc giới và kiến trúc cảnh quan khu vực xây dựng mốc tại các cửa khẩu quốc tế; hướng dẫn kỹ thuật trong xây dựng, lắp đặt cột mốc biên giới; góp ý kiến đối với công tác quy hoạch khu vực cửa khẩu, đầu tư xây dựng, nâng cấp và cải tạo các cửa khẩu.

Phát biểu tại Hội nghị, thay mặt Ban cán sự Đảng và Lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn biểu dương, đánh giá cao và chúc mừng tập thể cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức của Cục Hạ tầng kỹ thuật trong việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đạt được những thành tựu quan trọng, đóng góp cho sự phát triển chung của ngành Xây dựng và

cả nước.

Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn cho biết, cùng với sự phát triển của hệ thống đô thị và quá trình đô thị hoá ở nước ta đã diễn ra nhanh chóng trên phạm vi cả nước. Nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị như: Hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh, thu gom và xử lý chất thải rắn... được xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp đã góp phần tạo nên bộ mặt đô thị đổi mới, từng bước nâng cao chất lượng đô thị. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển đô thị và nông thôn, lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật sẽ phải đối mặt với không ít thách thức, đó là quá trình đô thị hóa nhanh, biến đổi khí hậu, vốn và công nghệ...

Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đề nghị Cục Hạ tầng kỹ thuật phát huy truyền thống đoàn kết và các thành tích trong công tác để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được lãnh đạo Bộ giao: Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống thể chế pháp luật trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đảm bảo sự đồng bộ, phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và yêu cầu của thực tiễn; tổ chức thực hiện có hiệu quả các chiến lược, chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Tăng cường hợp tác quốc tế để tìm kiếm sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính cho nâng cao năng lực nguồn nhân lực và phát triển hạ tầng kỹ thuật trong nước./

Tại Hội nghị tổng kết 15 năm quản lý xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật, Cục Hạ tầng kỹ thuật đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng III của Chủ tịch nước trao tặng cho những thành tích xuất sắc trong công tác phân giới cắm mốc biên giới thời gian qua. Đồng thời, Cục trưởng Mai Thị Liên Hương cũng được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng III cho những thành tích trong công tác giai đoạn 2013 - 2018.

**Minh Tuấn**

## **Hội nghị Tổng kết công tác năm 2018, triển khai kế hoạch năm 2019 của Trung tâm Thông tin**

Ngày 9/1/2019, tại trụ sở Bộ Xây dựng, Trung tâm Thông tin - Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác năm 2018, triển khai kế hoạch năm 2019. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng đã đến dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị.

Báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2019, Giám đốc Trung tâm Thông tin Nguyễn Ngọc Quang cho biết, dưới sự chỉ đạo sát sao, thường xuyên của lãnh đạo Bộ Xây dựng, tập thể cán bộ, viên chức Trung tâm Thông tin đã tăng cường phối hợp với Văn phòng Bộ, các Cục, Vụ, Thanh tra, các đơn vị trực thuộc cơ quan Bộ Xây dựng đẩy mạnh triển khai, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị được giao cũng như các nhiệm vụ Trung tâm đặt ra từ đầu năm. Thể hiện ở 4 lĩnh vực trọng tâm:

- Công tác Công nghệ thông tin: Trung tâm Thông tin đã chủ động chủ trì và phối hợp với các Cục, Vụ, Thanh tra và Văn phòng Bộ triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý Nhà nước và thực hiện cải cách hành chính tại cơ quan Bộ Xây dựng; Xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng (Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 1226/QĐ-BXD ngày 25/9/2018). Cụ thể: Xây dựng phần mềm một cửa điện tử Bộ Xây dựng vận hành tại địa chỉ: [motcua.xaydung.gov.vn](http://motcua.xaydung.gov.vn); phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ tích hợp ứng dụng chữ ký số lên hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp kết nối với Văn phòng Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Ban Cơ yếu Chính phủ hoàn thành cài đặt máy chủ bảo mật kết nối Trực liên thông văn bản quốc gia trên kênh

truyền số liệu chuyên dùng Chính phủ; phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Vinaphone và các đơn vị thuộc Bộ hoàn thành nâng cấp Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành đáp ứng yêu cầu của Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg; đăng ký chứng thư số, chữ ký số cho cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị thuộc bộ; tổ chức tập huấn, hướng dẫn ký số trên Hệ thống Quản lý văn bản cho các đơn vị thuộc Bộ; nâng cấp Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp giấy phép cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam; nâng cấp Hệ thống thông tin trực tuyến cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho các cá nhân; phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường và các đơn vị thuộc Bộ xây dựng hoàn thành Trang thông tin điện tử về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngành sản xuất vật liệu xây dựng tại địa chỉ: [nscl.xaydung.gov.vn](http://nscl.xaydung.gov.vn); phối hợp với các Cục, Vụ chức năng hoàn thành các đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp Bộ; hoàn thành dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thông tin thống kê ngành xây dựng, đã triển khai tập huấn cho các Sở Xây dựng địa phương trên toàn quốc, hệ thống đang vận hành tại địa chỉ: [thongke.xaydung.gov.vn](http://thongke.xaydung.gov.vn); hoàn thiện xây dựng Hệ thống thông tin cấp giấy phép xây dựng trực tuyến đối với các công trình nhà ở riêng lẻ theo Quyết định 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để các Bộ, ngành, địa phương thực hiện trong các năm 2018 - 2019.

- Công tác Thông tin: Đưa tin đầy đủ, kịp thời các hoạt động của lãnh đạo Bộ Xây dựng trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng cũng như phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thuộc Bộ để triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong ngành Xây dựng; thực hiện

các nhiệm vụ được giao của Tiểu Ban tuyên truyền Lễ kỷ niệm 60 năm Ngành Xây dựng Việt Nam như: Tổ chức thực hiện Gian trưng bày của Bộ Xây dựng tại Triển lãm Vietbuid Hà Nội tháng 3/2018 chào mừng 60 năm ngành Xây dựng Việt Nam (29/4/1958-29/4/2018); phối hợp với Đài THVN và các đơn vị liên quan thực hiện 1 bộ phim tài liệu về ngành Xây dựng, phát sóng trên Đài THVN chào mừng kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống ngành Xây dựng Việt Nam; chủ trì, phối hợp với các đơn vị thực hiện trưng bày triển lãm pano về quá trình hình thành, phát triển của ngành Xây dựng Việt Nam trong 60 năm qua, tổ chức tại Trung tâm Hội nghị quốc gia bên lễ Hội nghị kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống ngành Xây dựng Việt Nam; chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức biên soạn, xuất bản cuốn Kỷ yếu 60 năm truyền thống ngành Xây dựng Việt Nam; tiếp tục thực hiện việc đổi mới nội dung thông tin trên Ấn phẩm thông tin XDCB & KHCN, Tổng luận chuyên đề về thông tin KHCN, các bản tin điểm báo, tổng hợp tin tức báo chí theo sự chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, phát hành trên cổng TTĐT của Bộ Xây dựng đảm bảo các yêu cầu về nội dung cũng như chất lượng.

- Công tác Thư viện: Đảm bảo hoạt động của Thư viện Bộ Xây dựng trong công tác thông tin - tư liệu phục vụ nhu cầu của độc giả trong và ngoài ngành Xây dựng; cập nhật tài liệu mới vào cơ sở dữ liệu của Thư viện điện tử, như: CSDL phần Bài trích, CSDL Kho Báo Báo tổng kết, Kho Sách, kho Kết quả nghiên cứu; cập nhật CSDL và quản trị website thư viện.

- Công tác Tổ chức: Năm 2018, Trung tâm Thông tin đã bổ sung, sửa đổi Đề án Vị trí việc làm theo các nhóm công việc: Lãnh đạo, quản lý, điều hành; hoạt động nghề nghiệp; công việc hỗ trợ, phục vụ gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu tổ chức để đảm bảo phù hợp với yêu cầu của chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Thông tin; kiện toàn công tác cán bộ, điều động, bố trí lại công tác cho một số viên chức nhằm đáp ứng công tác chuyên môn nghiệp vụ



*Toàn cảnh Hội nghị*

cho các phòng, ban của cơ quan; cử cán bộ tham gia các khóa học: Bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên: 05 cán bộ, chương trình chuyên viên chính: 1 cán bộ; cử cán bộ tham gia 10 khóa đào tạo, tập huấn ngắn hạn về an toàn thông tin theo Đề án 99, 1 khóa Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về công nghệ thông tin và nghiệp vụ QLDA; tiếp tục lãnh đạo việc đẩy mạnh công khai, dân chủ trong các công tác như kê khai tài sản, quy hoạch cán bộ, tuyển dụng cán bộ, xét nâng bậc lương thường xuyên; chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống thất thoát, tham nhũng đặc biệt là các khâu tiết kiệm sử dụng điện, điện thoại, văn phòng phẩm.

Bên cạnh những thuận lợi, kết quả quan trọng đã đạt được, Giám đốc Nguyễn Ngọc Quang cũng nêu lên những khó khăn Trung tâm Thông tin gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2018, đó là Trung tâm Thông tin là đơn vị sự nghiệp công lập, đặc thù trong lĩnh vực chuyên môn kỹ thuật - công nghệ, hoạt động chủ yếu bằng nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, do đó các hoạt động dịch vụ có nguồn thu thấp, chưa đảm bảo hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên cho nên khả năng tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động của đơn vị chưa thực hiện được.

Tham dự Hội nghị, Thứ trưởng Lê Quang Hùng ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực và kết quả quan trọng Trung tâm Thông tin đạt được trong năm 2018. Theo Thứ trưởng Lê

Quang Hùng, năm 2018, Trung tâm Thông tin đã hoàn thành rất tốt các nhiệm vụ trọng tâm do lãnh đạo Bộ Xây dựng giao, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chung của Bộ Xây dựng.

Triển khai các nhiệm vụ trong năm 2019, Thứ trưởng Lê Quang Hùng chỉ đạo Trung tâm Thông tin tập trung thực hiện các kế hoạch, mục tiêu đã đề ra, trong đó chú trọng đặc biệt đến công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn bản và điều hành Bộ Xây dựng; xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử;

quản lý, vận hành, bảo trì, duy trì ổn định hoạt động của Trung tâm Tích hợp dữ liệu Bộ Xây dựng; Quản lý và duy trì các hệ thống thông tin và Website Bộ Xây dựng trên mạng Internet; kết nối, truyền dẫn và bảo đảm thông tin thông suốt với các cơ quan Đảng, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị trong ngành Xây dựng.

Trần Đình Hà

## **Thứ trưởng Lê Quang Hùng tiếp và làm việc với Thứ trưởng Bộ Môi trường Nhật Bản**

Ngày 10/1/2019, tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Lê Quang Hùng đã tiếp và làm việc với Thứ trưởng Bộ Môi trường Nhật Bản Takaaki KATSUMATA về hợp tác phát triển trong lĩnh vực quản lý chất thải và chuyển hóa rác thải thành năng lượng.

Thay mặt đoàn công tác của Bộ Môi trường Nhật Bản, Thứ trưởng Takaaki KATSUMATA bày tỏ vui mừng và cảm ơn Thứ trưởng Lê Quang Hùng và các cộng sự của Bộ Xây dựng đã dành thời gian tiếp đoàn.

Thứ trưởng Takaaki KATSUMATA cho biết, trong quá trình phát triển của đất nước Nhật Bản, cụ thể trong lĩnh vực hạ tầng, Nhật Bản đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng và thành công trong việc thu gom, xử lý rác thải, chuyển hóa rác thải thành năng lượng, góp phần tích cực cho công tác bảo vệ môi trường. Bộ Môi trường Nhật Bản mong muốn và đề xuất hai Bộ sẽ ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác để chia sẻ kiến thức và công nghệ của Nhật Bản với Việt Nam trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhất là trong việc chuyển hóa rác thải thành năng lượng.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng chào mừng Thứ trưởng Takaaki KATSUMATA và đoàn công tác của Bộ Môi trường Nhật Bản đến thăm và làm việc với Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Lê Quang Hùng cho biết, Bộ Xây dựng Việt Nam



*Toàn cảnh buổi làm việc*

là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt và đô thị. Hiện nay, tổng lượng chất thải rắn đô thị của Việt Nam vào khoảng 38.000 tấn/ngày, chất thải rắn nông thôn khoảng 32.000 tấn/ngày; tỷ lệ thu gom chất thải rắn đô thị khoảng 80-85%, nông thôn khoảng 50% và hầu hết xử lý theo công nghệ chôn lấp, việc xử lý chất thải rắn theo phương pháp đốt để phát điện chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

Theo Thứ trưởng Lê Quang Hùng, từ năm 2000, Chính phủ Việt Nam đã ban hành một số cơ chế, chính sách để thúc đẩy việc thu gom, xử lý chất thải rắn theo phương pháp đốt để phát điện, và mong muốn đến năm 2020, tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý để phát điện đạt 30%, đến năm 2030 đạt tỷ lệ 70% và đến



năm 2050 thì hầu hết chất thải rắn sẽ được đốt để phát điện.

Thứ trưởng Lê Quang Hùng cũng cho biết, trong thực tế, thông qua một số dự án thí điểm, việc xử lý chất thải rắn theo phương pháp đốt để phát điện ở Việt Nam đang đối mặt với một số khó khăn về thu hút nhà đầu tư do giá dịch vụ xử lý chất thải rắn ở Việt Nam còn thấp, đồng thời, rác thải chưa được phân loại tại nguồn. Tuy nhiên, chủ trương của Chính phủ Việt Nam là quyết tâm thực hiện lộ trình xử lý chất thải rắn để phát điện, do đó, Bộ Xây dựng Việt Nam hoan nghênh đề xuất của Bộ Môi

trường Nhật Bản về việc hai bên xúc tiến ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác, giúp Việt Nam thực hiện lộ trình nói trên.

Tại buổi làm việc, Thứ trưởng Lê Quang Hùng và Thứ trưởng Takaaki KATSUMATA đã nhất trí giao các đơn vị đầu mối của hai bên để xúc tiến trao đổi, bàn bạc, xây dựng dự thảo Biên bản ghi nhớ hợp tác và các chương trình hành động cụ thể để lãnh đạo hai Bộ xem xét, phê chuẩn./.

**Minh Tuấn**

## **Hội nghị tổng kết công tác năm 2018 và triển khai nhiệm vụ năm 2019 của Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng**

Ngày 11/1/2019 Hà Nội, Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2018 và triển khai nhiệm vụ 2019. Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng Diệp Thị Thu Huyền chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Phó Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Vũ Ngọc Chính, các đồng chí là Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban chấp hành của các tổ chức công đoàn trực thuộc Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng.

Theo Báo cáo do Phó Chủ tịch công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng Trương Thị Thu Thanh trình bày tại Hội nghị, năm 2018, công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng hiện có 41 công đoàn cơ sở, tổ công đoàn trực thuộc, với tổng số 5.424 đoàn viên trên tổng số 5.477 cán bộ công nhân viên chức lao động, trong đó có 1.898 nữ.

Năm 2018, Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng và các công đoàn cơ sở trực thuộc đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ; tích cực, chủ động tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết của Công đoàn các cấp. Nội dung, phương thức hoạt động của công đoàn



*Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng  
Diệp Thị Thu Huyền phát biểu tại Hội nghị*

từng bước được đổi mới, hướng về đoàn viên và người lao động; Thực hiện tốt việc chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên; đảm bảo việc làm, ổn định đời sống cho đoàn viên; thực hiện tốt công tác quản lý tài chính công đoàn theo quy định; tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa; xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; chủ động thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước

Đoàn viên công đoàn khối cơ quan hành chính nhà nước đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản



Phó Chủ tịch Công đoàn XĐVN Vũ Ngọc Chính phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị

lý nhà nước, tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp luật ngành Xây dựng với nhiều quan điểm, tư tưởng đổi mới có tính đột phá, chất lượng văn bản được nâng cao, công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, công tác phổ biến giáo dục pháp luật, thanh tra, kiểm tra, kiểm soát được chú trọng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Ngành. Năm 2018, Bộ Xây dựng đã trình UBTV QH dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị; Luật Quản lý phát triển đô thị; Luật Kiến trúc; Đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 Nghị định, 06 Quyết định, 02 Chỉ thị và Bộ Xây dựng ban hành theo thẩm quyền 09 Thông tư.

Đoàn viên công đoàn của các đơn vị sự nghiệp đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tham gia công tác soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, công tác giáo dục - đào tạo, thông tin - truyền thông; công tác khám - chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người lao động trong ngành và cho nhân dân.

Đoàn viên công đoàn khối doanh nghiệp tư vấn đã chủ động tìm kiếm công việc, đẩy mạnh sản xuất, thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Về hoạt động tổ chức các phong trào văn

hóa, văn nghệ, thể thao, trong dịp chào mừng 60 năm ngày truyền thống ngành Xây dựng Việt Nam (29/4/1958-29/4/2018), Đại hội XIII Công đoàn Xây dựng Việt Nam, Đại hội XII Công đoàn Việt Nam, Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng đã phát động và tổ chức thành công Liên hoan văn nghệ quần chúng năm 2018, thu hút hơn 1.000 cán bộ, công nhân viên chức, lao động của 35 công đoàn cơ sở trực thuộc tham gia biểu diễn; đồng thời, Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng cũng vận động các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại các đơn vị; Công đoàn cơ quan Bộ đã hưởng ứng các phong trào thi đua của Công đoàn Ngành XĐVN cũng như phát động nhiều phong trào thi đua trong các công đoàn cơ sở trực thuộc.

Phó Chủ tịch CĐXD Việt Nam Vũ Ngọc Chính cũng bày tỏ đồng tình với phương hướng nhiệm vụ 2019 mà Công đoàn cơ quan Bộ đã đề ra, đồng thời nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm: Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng cần bám sát nhiệm vụ chính trị năm 2019 của Bộ và các đơn vị để vận động cán bộ, đoàn viên tích cực thực hiện, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mỗi đơn vị; Tiếp tục tuyên truyền, vận động đoàn viên công đoàn thực hiện tốt các Nghị quyết Trung ương khóa XII, Chỉ thị của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các Nghị quyết, Chỉ thị, Quy định của Trung ương, Đảng ủy khối, Đảng ủy Bộ Xây dựng,

Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam, Nghị quyết Đại hội XIII Công đoàn XĐVN; Tiếp tục phối hợp với chuyên môn, đảm bảo việc làm, chế độ chính sách cho người lao động, tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc của các đoàn viên; Vận động đoàn viên công đoàn hưởng ứng các phong trào thi đua; Làm tốt công tác phát triển đoàn viên và xây dựng tổ chức công đoàn cơ sở vững mạnh.

Phát biểu tại Hội nghị, Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng Diệp Thị Thu Huyền đề nghị lãnh đạo các công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn cơ quan Bộ quán triệt các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, Công đoàn Việt

Nam, Công đoàn Xây dựng Việt Nam, Chương trình hành động của Bộ Xây dựng để phối hợp với chính quyền, lãnh đạo các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị năm 2019; thực hiện tốt vai trò của tổ chức công đoàn trong các công tác bảo quyền, lợi ích chính đáng của đoàn viên; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đoàn viên; tổ chức các phong trào thi đua, văn hóa văn nghệ thể thao; chú trọng công tác nữ công và phát triển đoàn viên và làm tốt các công tác công đoàn về kiểm tra, giám sát, tài chính công đoàn./.

**Minh Tuấn**

# CỤC HẠ TẦNG KỸ THUẬT BỘ XÂY DỰNG TỔNG KẾT 15 NĂM QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2019



*Thủ tướng Nguyễn Đình Toàn phát biểu tại Hội nghị*



*Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Thủ tướng Nguyễn Đình Toàn trao Huân chương Lao động Hạng III cho Cục Hạ tầng kỹ thuật*